



NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) – ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ THU HIỀN – NGUYỄN VĂN LỘC

Ngữ văn

7

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) – ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ THU HIỀN – NGUYỄN VĂN LỘC

Ngữ văn

7

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH



Lời nói đầu

Các thầy, cô giáo thân mến!

Sách giáo khoa *Ngữ văn 7* (bộ Cánh Diều) có nhiều thay đổi so với sách *Ngữ văn* (Chương trình 2006): yêu cầu cần đạt, mục tiêu và nội dung thay đổi dẫn tới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá cũng phải thay đổi cho phù hợp. Chính vì thế, sau sách giáo khoa, chúng tôi biên soạn sách giáo viên nhằm giúp các thầy, cô giáo có thêm nguồn tư liệu tham khảo để dạy tốt sách giáo khoa *Ngữ văn 7*.

Sách giáo viên *Ngữ văn 7* gồm các nội dung chính sau đây:

Phần một tập trung giới thiệu một số thông tin tổng quát về sách *Ngữ văn 7* như: cấu trúc sách, cấu trúc bài học, những điểm đổi mới, định hướng về phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu phát triển năng lực, gợi ý hướng dẫn tổ chức dạy học theo hoạt động,...

Phần hai (trọng tâm) hướng dẫn dạy học sách giáo khoa *Ngữ văn 7* theo từng bài cụ thể. Phần này nêu lên gợi ý dạy học cho các bài trong sách giáo khoa với cấu trúc nội dung chính gồm: Yêu cầu cần đạt; Kiến thức ngữ văn; Hướng dẫn tổ chức dạy phần Đọc hiểu văn bản; Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành tiếng Việt; Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành đọc hiểu; Hướng dẫn tổ chức dạy phần Viết; Hướng dẫn tổ chức dạy phần Nói và nghe; cuối cùng là Hướng dẫn phần Tự đánh giá.

Mỗi phần lớn chủ yếu cung cấp các thông tin liên quan, giúp giáo viên soạn giáo án. Phần quan trọng nhất là gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học; ví dụ, với tiết dạy đọc hiểu, cần tổ chức theo bốn hoạt động sau:

Hoạt động 1. Khởi động

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản (trọng tâm)

Hoạt động 4. Tổng kết

Sách giáo viên không phải là giáo án mà chỉ là tài liệu tham khảo thiết yếu, cung cấp các thông tin và gợi ý cách tổ chức dạy học theo định hướng mới, phù hợp với sách giáo khoa. Từ các nội dung và gợi ý trong sách giáo viên, các thầy cô căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mình để biên soạn giáo án dạy học cho phù hợp và có hiệu quả.

Do tính chất là một tài liệu tham khảo, một số nội dung và cấu trúc bài soạn trong sách giáo viên này được nêu lên linh hoạt, nhiều yêu cầu giống nhau được nêu chung ở *Phần một* hoặc ở bài đầu tiên của mỗi tập sách, không nhắc lại ở các bài sau. Tính chất của các phần trong bài học cũng có khác nhau nên cách hướng dẫn cũng không nhất nhất theo một cấu trúc cứng cố định. Tuy nhiên, các nội dung chính, quan trọng thì các bài đều được trình bày thống nhất.

Chúng tôi mong các thầy cô sử dụng sách giáo viên một cách chủ động, sáng tạo và hiệu quả.

Thay mặt Nhóm biên soạn

NGUYỄN MINH THUYẾT

ĐỖ NGỌC THÔNG

Cánh Diều

PHẦN MỘT

NHỮNG HIỂU BIẾT CHUNG VỀ SÁCH NGỮ VĂN 7

Sách giáo viên (SGV) *Ngữ văn 7* được biên soạn nhằm giúp giáo viên (GV) dạy sách giáo khoa (SGK) *Ngữ văn 7* viết theo *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* đúng phương pháp và có hiệu quả, không áp đặt, khuyến khích GV sáng tạo,... Để đạt được mục tiêu ấy, SGV được biên soạn gồm hai phần:

Phần một: Giới thiệu SGK *Ngữ văn 7* và nêu một số định hướng chung về phương pháp dạy học theo yêu cầu của *Chương trình (CT) Ngữ văn 2018*.

Phần hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể.

I. THÔNG TIN CHUNG

Bộ SGK *Ngữ văn Trung học cơ sở (THCS)* được thiết kế theo mô hình tích hợp, bám sát các yêu cầu của *CT Ngữ văn 2018*; lấy hệ thống thể loại có kết hợp với chủ đề / đề tài (nhất là các văn bản thông tin và nghị luận) làm chỗ dựa để phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học (các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe), các năng lực chung và các phẩm chất chủ yếu cho học sinh (HS).

II. CẤU TRÚC CHUNG CỦA SGK NGỮ VĂN 7

1. Tổng thời lượng học

SGK *Ngữ văn 7* thực hiện đúng quy định của *CT Ngữ văn 2018*, được dạy và học trong 35 tuần, trung bình mỗi tuần 4 tiết, tổng thời lượng là 140 tiết.

2. Cấu trúc sách

Thể loại và kiểu văn bản được hiểu theo các cấp độ sau:

Loại văn bản gồm: văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin.

– Thể loại: chỉ những thể loại của văn bản văn học, gồm các thể loại lớn học lặp lại ở tất cả các lớp: truyện, thơ, kí, kịch.

– Tiểu loại: là các thể loại nhỏ trong mỗi thể loại lớn; mỗi lớp học một số tiểu loại này. Ví dụ: Lớp 7 học truyện gồm *truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng, truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại*.

– Kiểu văn bản chỉ các kiểu trong loại văn bản nghị luận và thông tin.

Ở mỗi lớp, mỗi thể loại và kiểu văn bản lớn được triển khai thành một bài lớn (unit) gồm 12 tiết; trong đó tích hợp cả bốn kĩ năng (đọc hiểu, viết, nói và nghe).

Mỗi kĩ năng có thể có một hay nhiều bài học (lesson) tùy vào khối lượng nội dung của kĩ năng ấy trong từng bài lớn.

a) Cấu trúc chung

SGK *Ngữ văn 7* được thiết kế theo cấu trúc như sau:

- Bài Mở đầu: 4 tiết.
- Từ bài 1 đến bài 10: mỗi bài 12 tiết.
- Ôn tập và tự đánh giá định kì: 8 tiết.
- Cả năm có 8 tiết dự trữ.
- Tổng 140 tiết. Cụ thể:

+ *Bài Mở đầu*: nêu thông tin khái quát về các nội dung chính và cấu trúc sách *Ngữ văn 7*.

+ Ngoài *Bài Mở đầu*, số lượng bài Đọc hiểu phân bổ như sau:

Lớp	Truyện	Thơ	Kí	Nghị luận	Thông tin
7	3	2	1	2	2

+ Các nội dung về tiếng Việt bám sát quy định của CT *Ngữ văn 2018* để phân bổ và tích hợp vào 10 bài học chính.

+ Các nội dung về kĩ năng viết, nói và nghe bám sát quy định của CT, được tổ chức biên soạn theo hướng dựa vào ngữ liệu của phần đọc hiểu để biên soạn và thực hành viết, nói và nghe.

b) Cấu trúc cụ thể

10 bài học chính trong sách *Ngữ văn 7*

Bài	Thể loại / kiểu văn bản	Tiểu loại	Chủ đề / đề tài chính
1	Truyện	Truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại	Lòng yêu nước
2	Thơ	Thơ bốn chữ, năm chữ	Tình cảm gia đình
3	Truyện	Truyện khoa học viễn tưởng	Trí tưởng tượng kì diệu
4	Văn bản nghị luận	Nghị luận văn học	Vẻ đẹp của tác phẩm văn học
5	Văn bản thông tin	Giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi	Giá trị của các di sản văn hoá
6	Truyện	Truyện ngụ ngôn và tục ngữ	Những bài học cuộc sống
7	Thơ	Thơ	Ước mơ và giá trị nhân văn

8	Văn bản nghị luận	Nghị luận xã hội	Tinh thần yêu nước và đức tính giản dị
9	Kí	Tuỳ bút và tản văn	Con người và văn hoá Việt
10	Văn bản thông tin	Cách triển khai ý tưởng	Phương tiện vận chuyển và an toàn giao thông

c) Giải thích thêm về cấu trúc sách

– Với cấu trúc mỗi bài 12 tiết, không thể tách ra thành hai bài *Truyện ngụ ngôn* và *Tục ngữ riêng*. Vì các văn bản truyện ngụ ngôn và tục ngữ đều rất ngắn gọn, chỉ cần 2 – 3 tiết đọc hiểu cho mỗi thể loại là đủ. Ngoài ra, sách *Ngữ văn 7* kết hợp hai thể loại (truyện ngụ ngôn và tục ngữ) trong Bài 6 là còn có ý kết hợp nội dung đề tài, ý nghĩa: cả hai thể loại này đều tập trung nêu lên các bài học và kinh nghiệm sống của người xưa để lại. Sự kết hợp này cũng giống như Bài 6 (*Ngữ văn 6*, tập hai) với hai thể loại: Truyện đồng thoại và truyện của Pu-skin, An-đéc-xen.

– CT 2018 quy định *Ngữ văn* lớp 7 chỉ học đọc hiểu về thơ nói chung, nhưng trong yêu cầu viết lại có nội dung: “Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.”; vì thế, trong phần đọc hiểu cần có thơ bốn chữ, năm chữ để thực hiện yêu cầu đọc hiểu gắn với viết. Ngoài ra, cần có các bài *thơ tự do* để đáp ứng yêu cầu của CT: “Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.”.

– Văn bản nghị luận văn học, chúng tôi tiếp tục chủ trương: chọn các bài viết phân tích các tác phẩm đang học trong *Ngữ văn 7* để tích hợp đọc. Cách tích hợp này nhằm củng cố các bài học trước và “dễ hoá” việc đọc văn bản nghị luận văn học, một cách giảm tải cho việc dạy và học. Văn bản nghị luận xã hội, chúng tôi kế thừa các văn bản có nêu trong CT 2018 và đã có trong SGK *Ngữ văn 7* – CT 2006 (*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* – Hồ Chí Minh; *Đức tính giản dị của Bác Hồ* – Phạm Văn Đồng và *Sự giàu đẹp của tiếng Việt* – Đặng Thai Mai).

– Văn bản thông tin trong CT *Ngữ văn* 2018 quy định lớp 7 học: văn bản giới thiệu một quy tắc, luật lệ trong hoạt động, trò chơi và đáp ứng các yêu cầu: “Nhận biết và hiểu được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.”, “Nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản.”. Vì thế, *Ngữ văn 7* chia làm hai bài: Bài 5 học văn bản thông tin về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi; Bài 10 học văn bản thông tin triển khai theo cách phân loại đối tượng và có cước chú, tài liệu tham khảo. Việc chọn văn bản thông tin có ghi tài liệu tham khảo là rất khó. Đề tài và chủ đề của Bài 5 tập trung về văn hoá và Bài 10 tập trung về các phương tiện vận chuyển, tích hợp giáo dục an toàn giao thông.

Ngoài những điểm lưu ý nêu trên, các bài khác hoàn toàn theo yêu cầu của CT *Ngữ văn* 2018.

III. CẤU TRÚC BÀI HỌC TRONG SGK NGỮ VĂN 7

Trong sách *Ngữ văn 7*, trừ *Bài Mở đầu*, 10 bài học còn lại đều được tổ chức theo các phần, mục như sau:

YÊU CẦU CẦN ĐẠT (HS xem ở nhà)

Nêu lên yêu cầu mà các em cần đạt được sau khi học bài. Nội dung gồm: mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học; phát triển phẩm chất và năng lực chung. Vì phẩm chất và năng lực chung đều thông qua năng lực đặc thù của môn học, cụ thể là đều phải thông qua đọc, viết, nói và nghe; vì thế, cần tập trung vào mục tiêu năng lực đặc thù trước.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN (HS xem ở nhà và vận dụng trên lớp)

Nêu các kiến thức, hiểu biết chung về văn học và tiếng Việt theo yêu cầu cần đạt của bài học đó một cách ngắn gọn, phù hợp với nhận thức của HS lớp 7.

*** Phần chính của bài học gồm các phần lớn sau đây:**

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Mỗi bài học lớn thường có hai văn bản đọc hiểu chính và một văn bản thực hành đọc hiểu. Cả ba văn bản đều dạy trên lớp; tuy nhiên văn bản đọc chính được dạy kĩ hơn, nhiều thời gian hơn (học kĩ), văn bản thực hành đọc hiểu chủ yếu để HS tự thực hiện với sự tổ chức, hướng dẫn của GV, ít thời gian hơn. Các phần, mục được trình bày như sau:

Văn bản 1

Tên văn bản (chữ màu)

Tên tác giả (nếu có)

1. Chuẩn bị

- Lưu ý về thể loại và các thông tin liên quan.
- Tác giả, tác phẩm, bối cảnh lịch sử.

2. Đọc hiểu

Sách trình bày văn bản theo hai cột (bên trái và bên phải) với nội dung mỗi cột như sau:

<i>Văn bản</i>	<i>Hướng dẫn đọc</i>
– Nội dung văn bản	– Hướng dẫn cách đọc (chiến lược đọc).
– Minh họa	– Chỉ dẫn HS chú ý các từ ngữ, câu văn, đoạn văn có liên quan đến kiến thức ngữ văn đã nêu.
– Chú thích chân trang	

Câu hỏi sau khi đọc (logo): tuy không ghi rõ trong sách nhưng các câu hỏi đọc hiểu sau mỗi văn bản gồm 3 loại với 3 mức độ sau:

- Hiểu.
- Phân tích và nhận xét (đánh giá).
- Mở rộng, nâng cao.

Số lượng câu hỏi mỗi bài đọc hiểu tối đa là sáu câu. Câu hỏi cho văn bản đọc chính có thể nhiều hơn văn bản thực hành đọc hiểu.

Văn bản 2. Cấu trúc và nội dung tương tự.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Do định hướng thực hành nên nội dung các bài tiếng Việt chủ yếu nêu lên các bài tập để HS thực hành, nhằm củng cố các kĩ năng tiếng Việt. Lí thuyết về các đơn vị ngôn ngữ được nêu ngắn gọn ở phần *Kiến thức ngữ văn*; các bài tập là sự cụ thể hoá của lí thuyết ấy với ba dạng:

- Nhận biết các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.
- Phân tích tác dụng của các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.
- Tạo lập đơn vị tiếng Việt.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

- Trình bày văn bản, chỉ dẫn minh hoạ và chú thích như văn bản học chính.
- Hướng dẫn đọc hiểu: có thể ít câu hỏi hơn, chỉ tập trung vào các yêu cầu cần đạt đã nêu ở đầu bài học.

VIẾT

Phần *Viết*, sách nêu hai mục lớn: một là *Định hướng*, nêu ngắn gọn lí thuyết và những lưu ý, hướng dẫn về kĩ thuật viết gắn với nội dung bài học cụ thể; hai là *Thực hành* viết nhằm vận dụng những hiểu biết ở mục *Định hướng*. Để rèn luyện HS viết theo quy trình, sách bám sát bốn bước với một số gợi ý cụ thể: chuẩn bị; tìm ý và lập dàn ý; viết; kiểm tra và chỉnh sửa.

NÓI VÀ NGHE

Tương tự phần *Viết*, *Nói và nghe* cũng có hai mục: một là *Định hướng*, nêu ngắn gọn lí thuyết và những lưu ý, hướng dẫn về nghe – nói gắn với nội dung bài học cụ thể; hai là *Thực hành*, luyện tập nhằm vận dụng những hiểu biết ở mục *Định hướng*.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Phần này giúp HS tự đánh giá kết quả học bài. Nội dung: kiểm tra kết quả đọc hiểu thông qua một đoạn văn bản ngắn có thể loại và kiểu văn bản tương tự văn bản đã học, với các câu hỏi tập trung vào các đơn vị kiến thức trọng tâm nêu ở

phần *Kiến thức ngữ văn*. Hình thức: kết hợp cả trắc nghiệm và tự luận (trắc nghiệm đọc hiểu và tự luận viết câu trả lời ngắn hoặc viết đoạn văn).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC (HS xem ở nhà)

Nêu gợi ý các văn bản đọc thêm, địa chỉ các trang web (nếu có) và hướng dẫn HS cách tìm, thu thập, lựa chọn các tư liệu liên quan đến bài học.

IV. NỘI DUNG CỤ THỂ VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

Dựa vào yêu cầu cần đạt của CT và tổng thời lượng cả năm cho môn Ngữ văn lớp 7 (140 tiết), chúng tôi đã thiết kế hệ thống bài học với sự gợi ý phân bổ thời lượng cụ thể. Tuy nhiên, đó chỉ là những gợi ý; còn việc vận dụng thời lượng cho mỗi bài, mỗi phần, mục,..., GV cần linh hoạt trong quá trình thực hiện (xem phần VI. Một số lưu ý chung, mục 5. Về phân bổ thời lượng trong các bài, trang 19).

TẬP MỘT

Bài Mở đầu: 4 tiết

Giới thiệu nội dung và cấu trúc để HS làm quen với sách *Ngữ văn 7*.

Bài 1. Tiểu thuyết và truyện ngắn

1. Đọc hiểu (7 tiết):

– Đọc chính:

+ *Người đàn ông cô độc giữa rừng* (trích tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi).

+ *Buổi học cuối cùng* (An-phông-xơ Đô-đê).

– Thực hành đọc hiểu: *Độc đường xứ Nghệ* (trích tiểu thuyết *Búp sen xanh* – Sơn Tùng).

2. Thực hành tiếng Việt (1 tiết): Ngôn ngữ các vùng miền.

3. Viết (3 tiết): Viết bài văn kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

4. Nói và nghe (1 tiết): Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Bố của Xi-mông* (Guy đơ Mô-pa-xăng).

Bài 2. Thơ bốn chữ, năm chữ

1. Đọc hiểu (5 tiết):

– Đọc chính:

+ *Mẹ* (Đỗ Trung Lai).

+ *Ông đồ* (Vũ Đình Liên).

– Thực hành đọc hiểu: *Tiếng gà trưa* (Xuân Quỳnh).

2. Thực hành tiếng Việt (2 tiết): Các biện pháp tu từ.
3. Viết (3 tiết):
 - Tập làm thơ bốn chữ, năm chữ.
 - Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.
4. Nói và nghe (2 tiết): Trao đổi về một vấn đề.
5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Một mình trong mưa* (Đỗ Bạch Mai).

Bài 3. Truyện khoa học viễn tưởng

1. Đọc hiểu (6 tiết):
 - Đọc chính:
 - + *Bạch tuộc* (trích *Hai vạn dặm dưới đáy biển* – Giuyn Véc-nơ).
 - + *Chết làm gì* (Rây Brét-bơ-ry).
 - Thực hành đọc hiểu: *Nhật trình Sol 6* (trích *Người về từ Sao Hỏa* – En-di Uya).
2. Thực hành tiếng Việt (2 tiết): Số từ và phó từ.
3. Viết (3 tiết): Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.
4. Nói và nghe (1 tiết): Thảo luận nhóm về một vấn đề.
5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Một trăm dặm dưới mặt đất* (trích *Cuộc du hành vào lòng đất* – Giuyn Véc-nơ).

Bài 4. Nghị luận văn học

1. Đọc hiểu (7 tiết):
 - Đọc chính:
 - + *Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”* (Bùi Hồng).
 - + *Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”* (Đinh Trọng Lạc).
 - Thực hành đọc hiểu: *Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”* (Lê Phương Liên).
2. Thực hành tiếng Việt (tích hợp): Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị.
3. Viết (3 tiết): Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật.
4. Nói và nghe (2 tiết): Thảo luận nhóm về một vấn đề.
5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên* (Vũ Quần Phương).

Bài 5. Văn bản thông tin (Giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi)

1. Đọc hiểu (6 tiết):
 - Đọc chính:

+ *Ca Huế* (Theo dsvh.gov.vn).

+ *Hội thi thổi cơm* (Theo dulichvietnam.org.vn).

– Thực hành đọc hiểu: *Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang* (Theo Phí Trường Giang).

2. Thực hành tiếng Việt (2 tiết): Mở rộng trạng ngữ.

3. Viết (3 tiết): Viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi.

4. Nói và nghe (1 tiết): Giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.

5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Trò chơi dân gian của người Khmer Nam Bộ* (Theo baocantho.com.vn).

Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì I: 4 tiết.

TẬP HAI

Bài 6. Truyện ngụ ngôn và tục ngữ

1. Đọc hiểu (7 tiết):

– Đọc chính:

+ *Ếch ngồi đáy giếng và Đẽo cày giữa đường.*

+ *Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội (1).*

– Thực hành đọc hiểu:

+ *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân (Ê-dốp).*

+ *Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội (2).*

2. Thực hành tiếng Việt (1 tiết): Biện pháp tu từ nói quá, nói giảm – nói tránh.

3. Viết (3 tiết): Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật.

4. Nói và nghe (1 tiết): Kể lại một truyện ngụ ngôn.

5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu truyện ngụ ngôn *Thầy bói xem voi* và một số câu tục ngữ.

Bài 7. Thơ

1. Đọc hiểu (6 tiết):

– Đọc chính:

+ *Những cánh bướm* (Hoàng Trung Thông).

+ *Mây và sóng* (R. Ta-go).

– Thực hành đọc hiểu: *Mẹ và quả* (Nguyễn Khoa Điềm).

2. Thực hành tiếng Việt (2 tiết):

- Công dụng của dấu chấm lửng.
- Các biện pháp tu từ.
- Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh.

3. Viết (3 tiết): Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.

4. Nói và nghe (1 tiết): Trao đổi về một vấn đề.

5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Rồi ngày mai con đi* (Lò Cao Nhum).

Bài 8. Nghị luận xã hội

1. Đọc hiểu (6 tiết):

– Đọc chính:

+ *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh).

+ *Đức tính giản dị của Bác Hồ* (Phạm Văn Đồng).

– Thực hành đọc hiểu: *Tượng đài vĩ đại nhất* (Uông Ngọc Dậu).

2. Thực hành tiếng Việt (2 tiết): Liên kết và mạch lạc của văn bản.

3. Viết (3 tiết): Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

4. Nói và nghe (1 tiết): Thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống.

5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Sự giàu đẹp của tiếng Việt* (Đặng Thai Mai).

Bài 9. Tuỳ bút và tản văn

1. Đọc hiểu (7 tiết):

– Đọc chính:

+ *Cây tre Việt Nam* (tùy bút – Thép Mới).

+ *Người ngồi đợi trước hiên nhà* (tản văn – Huỳnh Như Phương).

– Thực hành đọc hiểu: *Trưa tha hương* (tùy bút – Trần Cư).

2. Thực hành tiếng Việt (1 tiết): Từ Hán Việt.

3. Viết (3 tiết): Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc.

4. Nói và nghe (1 tiết): Trao đổi về một vấn đề.

5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Tiếng chim trong thành phố* (tản văn – Đỗ Phấn).

Bài 10. Văn bản thông tin (Triển khai ý tưởng và thông tin)

1. Đọc hiểu (6 tiết):

– Đọc chính:

+ *Ghe xuống Nam Bộ* (Theo Minh Nguyễn).

+ *Tổng kiểm soát phương tiện giao thông* (Theo infographics.vn).

– *Thực hành đọc hiểu: Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa* (Theo Trần Bình).

2. **Thực hành tiếng Việt (1 tiết):**

– Thuật ngữ.

– Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.

3. **Viết (3 tiết):**

– Tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

– Viết bản tường trình.

4. **Nói và nghe (2 tiết):** Nghe và tóm tắt ý chính của bài nói.

5. **Tự đánh giá (làm ở nhà):** Đọc hiểu *Một số phương tiện giao thông của tương lai* (Theo Văn Biên – Dân Việt).

Ôn tập và tự đánh giá cuối học kỳ II: 4 tiết.

Phần phụ lục cuối sách.

V. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH

SGK *Ngữ văn 7* có các điểm mới sau:

1. Thiết kế bài học theo thể loại và kiểu văn bản

CT *Ngữ văn 2006* xây dựng các bài học theo tiến trình lịch sử văn học (từ lớp 6 đến lớp 9: bắt đầu từ văn học dân gian đến văn học trung đại và hiện đại). CT *Ngữ văn 2018* thiết kế theo đặc điểm thể loại và kiểu văn bản. Việc thay đổi này nhằm dạy cách đọc hiểu và tiếp nhận văn bản theo đặc điểm thể loại và kiểu văn bản; khắc phục áp lực do phải chạy theo nội dung, số lượng tác phẩm đồ sộ và ngày càng tăng trong kho tàng văn học dân tộc và nhân loại.

Bám sát yêu cầu của CT *Ngữ văn 2018*, sách lấy mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của HS làm căn cứ để lựa chọn, tổ chức nội dung học tập và hoạt động học tập của HS; cụ thể là:

– Lấy việc rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ (đọc, viết, nói và nghe) làm trục phát triển của cuốn sách để phục vụ mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học cho HS.

– Thống nhất nội dung rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ trong mỗi bài học theo hệ thống thể loại và kiểu văn bản kết hợp với các chủ đề / đề tài để phục vụ mục tiêu bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng sống và các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– Tích cực hoá hoạt động học tập của người học để HS phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực một cách vững chắc.

2. Bám sát đối tượng người học và giảm tải

Việc biên soạn được tiến hành theo hướng lựa chọn, tổ chức nội dung học tập và các hoạt động học tập cho phù hợp với tâm sinh lí, trình độ nhận thức và điều kiện học tập của HS. Cụ thể là:

– HS là người nói tiếng Việt, do đó, nhiệm vụ trọng tâm của môn Ngữ văn ở lớp 7 là tiếp tục củng cố và phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe mà HS đã được hình thành ở các lớp Tiểu học, đồng thời dạy phát triển các kĩ năng nghe và nói ở mức độ cao hơn (từ giao tiếp thông thường đến giao tiếp văn hoá).

– HS đang ở cấp THCS với độ tuổi 12 – 13, do đó, cần chú ý đến tính vừa sức và tâm lí lứa tuổi.

– HS là đối tượng rất đa dạng và học tập trong những điều kiện khác nhau, nên cần thiết kế nội dung mở để thực hiện giáo dục phân hoá, nhằm khơi dậy tiềm năng ở mỗi HS và để phù hợp với điều kiện dạy, học ở từng địa bàn.

– Sách *Ngữ văn 7* có thời gian dự phòng (8 – 12 tiết); cho phép GV vận dụng linh hoạt thời gian trong mỗi bài học, có thể chỉ dạy hai văn bản chính và hướng dẫn đọc hiểu; tích hợp các bài nghị luận văn học với các bài đọc hiểu trước đó (tích hợp đọc) để củng cố lẫn nhau,... Tất cả đều giúp cho việc dạy học nhẹ nhàng, không chịu áp lực về khối lượng nội dung và thời gian dạy học.

3. Tạo điều kiện đổi mới cách dạy, cách học

Đổi mới phương pháp dạy học cần tiến hành đồng bộ. Trước hết, SGK cần thay đổi. *Ngữ văn 7* giúp GV và HS thay đổi cách dạy, cách học từ một số đổi mới sau:

– Cấu trúc sách và cấu trúc bài học khác hẳn SGK CT 2006: mỗi bài lớn chia theo thể loại và kiểu văn bản được quy định trong CT. GV hoàn toàn tự chủ trong việc xác định thời gian và các hình thức tổ chức dạy học, miễn là đạt được mục tiêu bài học.

– Chú trọng kênh chữ và kênh hình, đặc biệt, sách được in 4 màu (khác với in đen trắng hiện hành) với nhiều đổi mới về minh hoạ, maket; vừa bảo đảm tính thẩm mỹ, vừa đáp ứng yêu cầu dạy học văn bản đa phương thức,...

– HS phải tự đọc, tự tra cứu, tìm kiếm, thu thập, lựa chọn, đánh giá tư liệu và tự liên hệ các phần, mục trong bài,...; tự kiểm tra kết quả học bài.

– Biên soạn theo hướng mở, khuyến khích GV vận dụng các phương pháp, phương tiện và kĩ thuật dạy học, đưa ra nhiều hướng, nhiều giải pháp thực hiện,

chỉ gọi mở, không làm thay HS; khuyến khích HS tự học, tự tìm kiếm và giải quyết vấn đề;... Khuyến khích HS phát biểu suy nghĩ riêng; chấp nhận các câu trả lời khác nhau;...

4. Tăng cường yêu cầu thực hành

Các bài học trong *Ngữ văn 7* tạo điều kiện cho GV và HS tăng cường thực hành tìm kiếm, vận dụng vào thực tế cuộc sống.

– Các yêu cầu lớn đọc hiểu, viết, nói và nghe đều theo hướng giảm lí thuyết tăng thực hành: thực hành đọc hiểu, thực hành viết, thực hành nói và nghe.

– Các nội dung tiếng Việt cũng không biên soạn bài học lí thuyết mà tập trung yêu cầu HS làm bài tập thực hành.

– Các bài đọc hiểu đều có yêu cầu HS liên hệ với thực tiễn và kinh nghiệm, vốn sống của bản thân để hiểu bài học và vận dụng vào thực tế.

5. Bảo đảm yêu cầu kế thừa và phát triển

a) Sách *Ngữ văn 7* kế thừa nhiều đơn vị kiến thức cơ bản về văn học, tiếng Việt, tập làm văn trong CT 2006, kế thừa hệ thống văn bản đọc, lấy lại nhiều tác phẩm đã học trong CT 2006. Ví dụ:

– Truyện: *Buổi học cuối cùng* (A. Đô-đê), *Bố của Xi-mông* (G. Mô-pa-xăng) *Ếch ngồi đáy giếng*, *Đeo cà giữa đường*, *Thầy bói xem voi*.

– Thơ: *Tiếng gà trưa* (Xuân Quỳnh), *Ông đồ* (Vũ Đình Liên), *Mây và sóng* (R. Ta-go).

– Kí: *Cây tre Việt Nam* (Thép Mới).

– Văn bản nghị luận: *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh), *Đức tính giản dị của Bác Hồ* (Phạm Văn Đồng), *Sự giàu đẹp của tiếng Việt* (Đặng Thai Mai).

b) Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu mới, *Ngữ văn 7* cũng có nhiều đơn vị kiến thức ngữ văn và hệ thống văn bản – tác phẩm mới.

– Các văn bản thông tin (Bài 5 và Bài 10) theo yêu cầu mới của CT 2018: *Ca Huế*, *Hội thi thổi cơm*, *Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang*, *Ghe xuồng Nam Bộ*, *Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa*,...

– Thể loại truyện khoa học viễn tưởng lần đầu tiên có trong CT, cấp THCS: *Hai vạn dặm dưới đáy biển* (Giuy-n Véc-nơ), *Chất làm gì* (Rây Brét-bơ-ry), *Người về từ Sao Hoá* (En-đi Uya),...

– Văn bản nghị luận: nghị luận văn học có các văn bản phân tích *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi (Bùi Hồng), phân tích giá trị nghệ thuật bài thơ

Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh (Đinh Trọng Lạc), phân tích *Hai vạn dặm dưới đáy biển* của Giuyn Véc-nơ (Lê Phương Liên) và nghị luận xã hội có văn bản *Tượng đài vĩ đại nhất* (Uông Ngọc Dậu).

– Văn bản truyện: *Dọc đường xứ Nghệ* (trích *Búp sen xanh* – Sơn Tùng), *Người đàn ông cô độc giữa rừng* (trích *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi).

– Thơ: *Mẹ* (Đỗ Trung Lai), *Những cánh bướm* (Hoàng Trung Thông), *Rồi ngày mai con đi* (Lò Cao Nhum), *Một mình trong mưa* (Đỗ Bạch Mai).

– Kí: *Người ngồi đợi trước hiên nhà* (Huỳnh Như Phương), *Trưa tha hương* (Trần Cu), *Tiếng chim trong thành phố* (Đỗ Phấn).

VI. MỘT SỐ LƯU Ý CHUNG

1. Quan niệm về SGK

SGV không phải là giáo án của GV hay sách thiết kế bài học. SGK chỉ bám sát SGK của HS, mở rộng, giải thích, làm rõ thêm các nội dung trong đó. Hai nội dung lớn mà SGK cần tập trung là:

- Gợi ý cho GV cách thức tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp.
- Gợi ý các nội dung cần làm rõ qua các câu hỏi, bài tập trong SGK.

Như thế, để có một giáo án cụ thể, GV tham khảo SGK; từ đó, hiểu đúng mục tiêu, các yêu cầu của bài học; căn cứ vào đối tượng, điều kiện dạy học và năng lực của chính mình để soạn ra một giáo án cụ thể. Không ai thay thế được người GV trong việc soạn ra một giáo án cho mình. Hơn nữa, CT và SGK lần này theo định hướng mở, đề cao và khuyến khích GV tự chủ, tự lựa chọn và quyết định nội dung, cách thức dạy học cụ thể; vì thế, SGK chỉ có thể nêu lên các gợi ý để GV tham khảo; kể cả các gợi ý về nội dung trả lời các câu hỏi trong SGK. Các gợi ý trả lời câu hỏi trong SGK chỉ nêu ý chính, để thống nhất chung về phương hướng; còn nội dung cụ thể, GV hoàn toàn có thể thêm, bớt, miễn là có lí, có cơ sở và có sức thuyết phục.

Trong khi chuẩn bị giáo án, GV nên tìm kiếm thêm tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau, nhất là bằng Internet, thông kê, lựa chọn các thông tin quan trọng, liên quan đến tác giả và văn bản sẽ dạy để phục vụ cho việc tổ chức dạy học và hướng dẫn HS tự học, tự tìm kiếm tư liệu.

2. Về tiến trình dạy học

Tiến trình tổ chức tiết học theo yêu cầu hình thành và phát triển năng lực cho người học đòi hỏi cần thông qua các hoạt động học tập. Các hoạt động chính của tiết học Ngữ văn thường qua các bước lớn: khởi động, hình thành tri thức mới,

luyện tập và vận dụng. Mỗi hoạt động thường qua các việc: a) giao nhiệm vụ; b) tổ chức cho HS làm việc; c) trình bày, trao đổi và tự rút ra kết luận.

3. Về sự khác biệt giữa *Đọc hiểu*, *Thực hành đọc hiểu* và *Tự đánh giá*

CT Ngữ văn 2018 chủ trương hình thành năng lực đọc; vì thế, cần theo quy trình sư phạm từ việc hướng dẫn chi tiết cho HS đọc hiểu văn bản theo thể loại ở hai văn bản đọc chính; sau đó chuyển sang *Thực hành đọc hiểu* có hướng dẫn của GV và cuối cùng là *Tự đánh giá* (Ở đó, HS tự đọc hiểu một văn bản mới không có hướng dẫn của GV). *Thực hành đọc hiểu* nhằm rèn luyện kỹ năng đọc hiểu đã hình thành bước đầu qua hai văn bản đọc chính. Do thời gian và tính chất thực hành nên tiết học này không cần đầy đủ các bước và các hoạt động như bài học chính mà tập trung vào hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản luôn. Nghĩa là có thể bắt đầu tổ chức Hoạt động 2 hoặc Hoạt động 3 luôn, tùy vào thời lượng dành cho bài học này. Trong các hoạt động đó, hoạt động bắt buộc là HS phải đọc văn bản; còn lại không nhất thiết phải tìm hiểu tất cả các câu hỏi nêu trong SGK. GV có thể lựa chọn một số câu quan trọng để hướng dẫn HS tìm hiểu hoặc củng cố lại các kỹ thuật đọc từ các văn bản đã học. Ở bước *Tự đánh giá*, HS phải tự mình đọc văn bản mới và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm để tự kiểm tra xem mình có hiểu văn bản ấy không, trong đó có tích hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt gắn với văn bản đọc hiểu. Một số câu cuối thường yêu cầu thực hành viết ngắn, nhưng cũng là kiểm tra kết quả đọc, không phải viết bài luận.

4. Về việc ghi bảng

4.1. Tiết đọc hiểu văn bản

GV linh hoạt trong việc ghi bảng ở mỗi bài, nhưng cần chú ý các thông tin sau:

Tên văn bản đọc hiểu

- I. Tìm hiểu chung
 - 1. Tác giả và tác phẩm, thể loại, kiểu văn bản
 - 2. Những điểm cần lưu ý khi đọc
- II. Đọc hiểu văn bản
 - 1. Nội dung của văn bản
 - 2. Hình thức của văn bản
- III. Tổng kết
 - 1. Giá trị về nội dung
 - 2. Giá trị về hình thức
 - 3. Cách đọc văn bản

4.2. Tiết thực hành tiếng Việt

Cần chú ý các thông tin sau:

- I. Yêu cầu cần đạt
- II. Kiến thức cơ bản
- III. Thực hành

4.3. Tiết viết, nói và nghe

Cần chú ý các thông tin sau:

- I. Yêu cầu cần đạt
- II. Kiến thức cơ bản
- III. Thực hành

5. Về phân bổ thời lượng trong các bài

Như đã nêu trong phần *Cấu trúc chung của SGK "Ngữ văn 7"*, tổng thời lượng cho môn Ngữ văn lớp 7 là 140 tiết / năm. Ngoài *Bài Mở đầu* 4 tiết, 8 tiết *Ôn tập và tự đánh giá* (cuối học kì I và cuối học kì II); các bài còn lại (từ 1 đến 10) đều 12 tiết; có 8 tiết dự trữ.

Trong mỗi bài 12 tiết, thường phân bổ như sau:

STT	Nội dung dạy học	Thời lượng (tiết)
1	Đọc hiểu văn bản	4 – 5
2	Thực hành tiếng Việt	1 – 2
3	Thực hành đọc hiểu	2
4	Viết	3
5	Nói và nghe	1 – 2

Mặc dù SGK đã có gợi ý về việc phân chia thời lượng cho các nội dung học tập, nhưng nhìn chung, GV vẫn toàn quyền quyết định trong việc phân bổ thời gian cho các bài học và các phần trong mỗi bài. Có thể điều chỉnh thời lượng một cách linh hoạt và phù hợp với đối tượng, điều kiện dạy học của mỗi GV trên hai bình diện: các bài và các phần trong bài. Chẳng hạn, với *Bài Mở đầu*, theo phân bổ là 4 tiết, nhưng nếu GV thấy lớp mình dạy, HS nắm vấn đề nhanh, đã đạt yêu cầu mà không cần tới 4 tiết thì có thể chuyển sang học bài tiếp theo (Bài 1). Hoặc nếu Bài 2 thấy phần nội dung đọc hiểu hay nội dung viết có thể rút ngắn 1 – 2 tiết mà vẫn đạt được yêu cầu, mục tiêu bài học thì hoàn toàn có quyền chuyển sang nội dung phần khác, học bài khác. Các tiết bớt được sẽ thành thời lượng dự trữ và

tăng thêm cho các bài cần nhiều thời gian hơn, những nội dung cần củng cố; ưu tiên thực hành rèn luyện nhiều hơn ở lớp đó. Dĩ nhiên, việc thêm, bớt nên trao đổi trong tổ khi thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

Cũng cần lưu ý về số lượng văn bản dạy đọc hiểu. Mặc dù mỗi bài trong SGK nêu lên 3 văn bản đọc hiểu, nhưng GV hoàn toàn có thể chỉ chọn 1 – 2 văn bản để dạy HS đọc hiểu kĩ về thể loại và kiểu văn bản ấy; không nhất thiết là phải dạy tất cả 3 văn bản. Nên tập trung vào các văn bản đọc chính để HS biết cách đọc hiểu thể loại và kiểu văn bản tiêu biểu. Các văn bản còn lại chỉ cần hướng dẫn HS đọc hiểu, thậm chí để HS tự đọc ở nhà. Việc đưa nhiều văn bản cùng thể loại và kiểu văn bản nhằm cung cấp ngữ liệu cho HS với những định hướng sự phạm về cách đọc; giúp các em có văn bản để tự đọc và rèn luyện cách đọc; không yêu cầu GV dạy tất cả trên lớp theo kiểu nhồi nhét, chạy theo nội dung. Mặt khác, những văn bản có trong SGK nhưng không dạy trên lớp chính là nguồn ngữ liệu dùng để kiểm tra, đánh giá năng lực đọc của HS sau khi học bài học ấy.

6. Về đánh giá

Có nhiều yêu cầu về đánh giá, CT yêu cầu cần “hướng dẫn cho HS mục tiêu, phương pháp và các tiêu chí đánh giá”; vì thế, SGK cần hiện thực hoá yêu cầu này. Đánh giá kết quả thường xuyên được gắn với các bài học cụ thể. Trong SGK, cuối mỗi bài học lớn có phần *Tự đánh giá* để HS sau khi học hết một bài có thể tự đánh giá xem mình có nắm được yêu cầu của bài học không; từ đó, củng cố và điều chỉnh cách học. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt và định hướng đánh giá của CT, sách nêu lên các bài đánh giá với yêu cầu đọc hiểu và viết kết hợp hình thức trắc nghiệm và tự luận. Trắc nghiệm để quét được nhiều đơn vị kiến thức, phù hợp với đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản; các câu tự luận (làm văn) nhằm đánh giá năng lực viết bài văn, đoạn văn. Các ngữ liệu đánh giá đọc hiểu là ngữ liệu mới, tương đương với các văn bản đã học cả về thể loại và độ khó.

Tự đánh giá cuối học kì I và học kì II, cũng theo tinh thần nêu trên, nhưng nội dung phong phú và toàn diện hơn phần *Tự đánh giá* cuối mỗi bài. Tất cả các bài đánh giá chỉ là để HS tự kiểm tra, làm ở nhà và GV tham khảo trong việc đánh giá kết quả học *Ngữ văn 7*.

VII. VỀ YÊU CẦU TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO HOẠT ĐỘNG

Dạy học sách *Ngữ văn 7*, dù theo thể loại nào cũng vừa khuyến khích GV sáng tạo, vừa phát huy hết năng lực sở trường của mỗi người. Tuy nhiên, để bảo đảm các yêu cầu cần đạt cơ bản, thống nhất cũng như hình thành cho HS cách học, GV cần tuân thủ một số yêu cầu tối thiểu. Định hướng chung là: Hạn chế việc GV

thuyết giảng theo cách hiểu của mình; tổ chức để HS tự khám phá, tìm ra kết quả thông qua các hoạt động học tập; chú ý không chỉ hiểu nội dung mà còn nắm được cách thức, phương pháp,...

Sau đây là gợi ý về cách tổ chức dạy học một số phần lớn trong mỗi bài học.

1. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học đọc hiểu

Hoạt động 1. Khởi động

Nội dung dựa vào phần *Chuẩn bị* đã nêu trong SGK, GV có thể bắt đầu bài học bằng nhiều cách khác nhau. Nhìn chung nhiệm vụ của phần mở đầu hướng tới:

- Tạo không khí cho tiết học (kể chuyện, chiếu video clip, tranh ảnh, bài hát,...).
- Huy động kiến thức nền của HS về đề tài sẽ học (nêu câu hỏi).
- Giới thiệu bài học (dẫn dắt, nêu vấn đề, giới thiệu).

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Tổ chức cho HS đọc văn bản; tìm hiểu tác phẩm và những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản theo các thể loại và kiểu văn bản.

– GV yêu cầu HS đọc hoặc kiểm tra việc đọc văn bản ở nhà; nêu những từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng, điển tích,... khó, cần chú ý và giải thích; hướng dẫn cách đọc diễn cảm;...

– Dựa vào một số câu hỏi hướng dẫn cách đọc (cột bên phải văn bản) để kiểm tra việc đọc của HS. Từ đó, lưu ý HS vì sao khi đọc văn bản cần chú ý các hướng dẫn ở cột bên phải.

– Trước khi đọc hiểu văn bản, các em cần lưu ý một số điểm mà SGK đã nêu lên trong mục *Chuẩn bị* (gọi 1 HS nêu hoặc đọc mục *Chuẩn bị*).

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

a) SGK đã nêu lên các câu hỏi cốt lõi nhằm giúp HS tìm hiểu, khám phá văn bản theo 3 lớp: i) *hiểu*; ii) *phân tích, nhận xét*; iii) *mở rộng, nâng cao*.

Các câu hỏi đầu i) thường thể hiện yêu cầu hiểu về nội dung cụ thể cũng như ấn tượng khái quát về nội dung của văn bản. Các câu hỏi ii) yêu cầu phân tích, đánh giá, hướng vào việc tìm hiểu sâu hơn nội dung và hình thức văn bản. Và các câu hỏi cuối iii) yêu cầu HS mở rộng, nâng cao bằng việc liên hệ, so sánh, gắn các vấn đề của văn bản với cuộc sống và những trải nghiệm của HS để hiểu văn bản, giúp HS hiểu chính bản thân mình khi đọc tác phẩm. Vì thế, GV có thể dựa vào hệ thống câu hỏi cốt lõi của SGK để tổ chức các hoạt động tìm hiểu văn bản bằng cách thêm, bớt các câu hỏi dẫn dắt, gợi mở tùy vào đối tượng cụ thể của tiết học. Sau đây là một số gợi ý cách tổ chức và nội dung dạy học cần chú ý.

– GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một câu hỏi trong SGK (GV có thể chỉ định hoặc cho các nhóm bắt thăm câu hỏi chuẩn bị).

– HS làm việc theo nhóm (có thể nhóm đôi, 2 HS cùng bàn).

– Trình bày ý kiến mỗi nhóm và trao đổi, rút ra kết luận; HS tự ghi chép nội dung các câu hỏi đã trao đổi theo cách hiểu của mình sau khi nghe trao đổi.

b) SGK đã nêu lên hệ thống câu hỏi và các nội dung cần lưu ý. GV lựa chọn, kết hợp bổ sung các câu hỏi khác nếu thấy cần thiết và phù hợp với đối tượng HS. Tuy nhiên, không nên làm cho nội dung tiết học bị nặng (quá tải). GV cần bám sát các câu hỏi trong SGK cuối văn bản đọc để tổ chức cho HS tìm hiểu; mỗi bài đọc chính thường có 6 câu hỏi.

Hoạt động 4. Tổng kết

– GV yêu cầu HS nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và nghệ thuật theo nhận thức của HS.

– GV có thể nêu ý kiến của mình nhằm khái quát và tổng hợp đầy đủ hơn, sâu sắc hơn.

– GV nêu những lưu ý về cách / chiến thuật đọc văn bản theo thể loại hoặc kiểu văn bản mà HS cần chú ý.

– GV hướng dẫn đọc mở rộng và chuẩn bị bài tiếp theo.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học thực hành tiếng Việt

a) Những điều cần lưu ý

– Tiếng Việt trong CT và SGK *Ngữ văn* có những thay đổi lớn: không nhằm mục đích cung cấp, trang bị lí thuyết mà chủ yếu là thực hành vận dụng; giúp cho các hoạt động đọc hiểu, viết và nói – nghe có hiệu quả hơn.

– Theo định hướng đó, sách *Ngữ văn* không trình bày bài học tiếng Việt thành lí thuyết hàn lâm mà chủ yếu tập trung yêu cầu HS làm bài tập thực hành. Một số kiến thức tiếng Việt cần trang bị và vận dụng được nêu ngay ở phần *Kiến thức ngữ văn*; nhưng chỉ để HS đọc ở nhà và khi làm bài tập trên lớp, gặp các câu hỏi liên quan đến các đơn vị kiến thức ấy thì HS và GV xem lại để vận dụng giải bài tập. Cũng từ đó mà nắm được những kiến thức tiếng Việt này.

b) Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học

Việc tổ chức thực hành rèn luyện tiếng Việt trong mỗi bài học nhìn chung cần linh hoạt. Tùy theo mỗi GV với những bối cảnh và điều kiện khác nhau, hoạt động chính vẫn là tổ chức cho HS làm các bài tập có trong SGK. GV cũng có thể mở rộng thêm hoặc thay thế các ngữ liệu khác cho phong phú; nhưng cần bám sát yêu

câu cần đạt, bám sát các văn bản đọc hiểu trong bài học và trong sách *Ngữ văn 7* trước khi lấy rộng ra các văn bản khác.

3. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học thực hành đọc hiểu

Thực hành đọc hiểu được tiến hành sau bài đọc hiểu chính, nhằm rèn luyện kỹ năng đọc hiểu đã hình thành bước đầu qua 2 văn bản đọc chính. Như đã nói ở trên, do thời gian và tính chất thực hành nên tiết học này không cần đầy đủ các bước và các hoạt động như bài học chính mà tập trung vào hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản luôn, quan trọng nhất và bắt buộc là HS phải đọc văn bản. Nếu có đủ thời gian thì có thể tiến hành các bước như dạy văn bản chính.

4. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học viết

a) Lưu ý

Dạy viết chủ yếu là rèn luyện kỹ năng viết. Kỹ năng viết cần được hình thành và rèn luyện dần, từ các mẫu trong SGK (các văn bản đọc hiểu chính là mẫu của yêu cầu viết) đến các yêu cầu sáng tạo khác cả về ý tưởng và cách thể hiện. Nhìn chung về ngữ liệu, HS đã được học ở phần đọc hiểu văn bản. Phần viết được dành 3 tiết, GV tổ chức cho HS tìm hiểu định hướng và nên dành nhiều thời gian để hướng dẫn HS thực hành viết.

b) Gợi ý tổ chức dạy viết

Hoạt động 1. Định hướng

GV cho HS đọc mục 1. *Định hướng* trong SGK. Sau đó, tổ chức cho HS tìm hiểu các điểm cần chú ý khi viết, đặc biệt lưu ý mục b) (Để viết được kiểu văn bản này, HS phải làm gì?). GV cho HS trao đổi về từng yêu cầu nhỏ trong đó.

Hoạt động 2. Thực hành

GV hướng dẫn HS thực hành theo quy trình 4 bước: *Chuẩn bị, Tìm ý và lập dàn ý, Viết, Kiểm tra và chỉnh sửa* như SGK đã nêu lên.

Trong 4 bước thì bước *Tìm ý và lập dàn ý*, *Viết* là chính, cần dành nhiều thời gian hơn. Tìm hiểu cách tìm ý và lập dàn ý, cách viết mà SGK đã gợi ý với các phần *mở bài, thân bài* và *kết bài* để hình dung và biết cách viết bài văn.

Bước thực hành viết nên thực hiện linh hoạt, phụ thuộc vào kế hoạch luyện viết của 5 bài trong một học kì để xác định nhiệm vụ cho từng bài. Có thể yêu cầu HS tập trung vào hoạt động nào là chính cho mỗi bài học. Ví dụ, có thể yêu cầu viết cả bài, nếu ít thời gian có thể chỉ yêu cầu viết một phần theo dàn ý đã làm. Sau đó, HS phải thực hành kiểm tra, chỉnh sửa “sản phẩm” vừa tạo ra của mình. GV cũng có thể yêu cầu HS về nhà hoàn chỉnh bài viết.

5. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học nói và nghe

a) Lưu ý

Thời lượng *Nói và nghe* ít hơn *Đọc hiểu và Viết* (CT quy định chỉ chiếm 10%). Nghĩa là mỗi bài chỉ khoảng 1 – 2 tiết. Nội dung nói và nghe lại dựa trên ngữ liệu phần *Đọc hiểu và Viết*. Vì thế, GV cho HS tìm hiểu nhanh mục *Định hướng*, sau đó, chủ yếu cho HS thực hành nói và nghe.

b) Gợi ý tổ chức dạy nói và nghe

Hoạt động 1. Định hướng

Phần này thường nêu hai nội dung: yêu cầu đối với người nói và yêu cầu với người nghe. Yêu cầu về cả nội dung nói – nghe và kĩ thuật nghe – nói; cả thái độ, tình cảm khi nghe và nói. Nội dung nói và nghe thường gắn với đọc hiểu và viết nên ở mục *Định hướng* về nội dung, nhiều bài chỉ yêu cầu HS dựa vào dàn ý đã làm ở phần học viết. GV chỉ lưu ý HS cách trình bày bằng lời (ngôn ngữ nói) khác với trình bày bằng viết (ngôn ngữ viết) như thế nào.

Hoạt động 2. Thực hành

Sau mục *Chuẩn bị*, GV yêu cầu HS thực hành trình bày miệng nội dung đã chuẩn bị. Các HS khác nghe, nhận xét, bổ sung hoặc nêu câu hỏi chất vấn.

Cánh Diều

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

BÀI MỞ ĐẦU

Cũng như sách *Ngữ văn 6*, sách *Ngữ văn 7* có *Bài Mở đầu*. Bài học được phân bổ thời lượng để GV hướng dẫn HS học trên lớp, nhằm nắm được những thông tin khái quát về nội dung, hình thức của sách và biết cách sử dụng sách.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Phần này HS đọc ở nhà; tuy nhiên, đây là mục đích cần đạt của bài học nên GV cần hiểu rõ để hiện thực hoá các nội dung của mục tiêu vào các hoạt động dạy học.

Khác với 10 bài học trong sách *Ngữ văn 7*, *Bài Mở đầu* chủ yếu giúp HS làm quen với sách này nên hướng tới các mục tiêu cơ bản là giúp HS nắm được:

1. Những nội dung chính của sách *Ngữ văn 7*.
2. Cấu trúc của sách và các bài học trong sách *Ngữ văn 7*.
3. Cách sử dụng sách *Ngữ văn 7*.

Thực chất là nhằm trả lời các câu hỏi quan trọng:

– Sách *Ngữ văn 7* học những gì (Đọc, viết, nói và nghe những gì? Rèn luyện tiếng Việt ra sao?)

– Sách *Ngữ văn 7* có cấu trúc như thế nào (Có bao nhiêu bài học? Mỗi bài học có những phần nào?...)?

– Sử dụng sách *Ngữ văn 7* như thế nào (Phần nào học ở nhà? Nội dung nào học trên lớp?)

Là bài mở đầu, vì thế, việc tìm hiểu các nội dung trong bài học này không cần nặng nề, không cần yêu cầu HS phải giải quyết và làm hết tất cả các bài tập; nội dung trả lời cũng không nhất thiết phải đầy đủ, chính xác và trọn vẹn tất cả;... mà cần tổ chức tìm hiểu bài học sao cho nhẹ nhàng, vui vẻ, gây được ấn tượng về môn học; tạo hứng thú cho HS.

II. KIẾN THỨC NGỮ VĂN

Bài Mở đầu chưa cần đề cập đến kiến thức ngữ văn nào nên GV chưa cần yêu cầu HS lưu ý gì về các kiến thức tiếng Việt hay văn học, chỉ tập trung vào các yêu cầu đã nêu.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY *BÀI MỞ ĐẦU* (trọng tâm)

1. Lưu ý

– Cách trình bày của *Bài Mở đầu* khác các bài học khác ở chỗ, sau một hoặc một số phần nội dung, sách nêu lên các câu hỏi, bài tập. Toàn bộ bài học nêu lên sáu cụm bài tập. HS làm các bài tập ấy sẽ nắm được yêu cầu và đạt được mục tiêu của bài học. Chính vì thế, GV cần nhắc nhở HS đọc và tìm hiểu bài tập ở nhà trước. Trong trường hợp HS chưa đọc và chưa chuẩn bị làm các bài tập này thì GV tổ chức cho HS thực hiện trên lớp luôn. *Bài Mở đầu* được thực hiện trong 4 tiết (1 tuần) nhưng không nhất thiết phải dạy cả 4 tiết (có thể chỉ 2 tiết). Việc phân chia thời gian và nội dung dạy học cần linh hoạt, nhưng nếu 4 tiết, có thể phân bổ như sau:

Tiết	Nội dung
1	Tìm hiểu chung về hình thức, bố cục và các nội dung lớn của cuốn sách
2	Đọc hiểu văn bản văn học: truyện, thơ, kí
3	Đọc hiểu văn bản nghị luận, văn bản thông tin và thực hành tiếng Việt
4	Học viết, nói – nghe và tìm hiểu cấu trúc bài học

– Dù ở trên đã nêu hướng phân bổ thời lượng nhưng GV tùy vào bối cảnh và điều kiện cụ thể để thực hiện một cách linh hoạt. Ví dụ, nếu đối tượng HS khá giỏi, việc tìm hiểu các nội dung bài học có thể nhanh hơn (chỉ cần 2 tiết; thậm chí, GV có thể yêu cầu HS đọc ở nhà bài học này nhưng cần để thời gian 1 – 2 tiết để kiểm tra việc đọc ở nhà của HS). Số thời gian thừa ra của *Bài Mở đầu*, GV có thể chuyển sang Bài 1 hoặc dành cho các bài có nhiều nội dung hơn, nhất là việc thực hành đọc hiểu và luyện viết.

– Về phương pháp: GV tiến hành dạy *Bài Mở đầu* hoàn toàn như dạy đọc hiểu một văn bản thông tin, nhằm giúp HS nắm được các nội dung và cấu trúc của cuốn sách *Ngữ văn 7* trước khi đi vào học các bài cụ thể.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

Tiết 1: Tìm hiểu chung về hình thức, bố cục và các nội dung của cuốn sách

Với tiết mở đầu, GV giúp HS có cái nhìn bao quát chung về cuốn sách và bài học này; nên cần tập trung vào các nội dung sau:

Nội dung 1: Giới thiệu ý nghĩa của việc tìm hiểu, làm quen với sách *Ngữ văn 7*. Tức là trả lời câu hỏi: Sách *Ngữ văn 7* có hình thức và bố cục như thế nào? Tại sao HS phải làm quen với sách này? Làm quen sẽ có tác dụng gì cho việc học tập?

Trước hết, GV yêu cầu HS quan sát toàn bộ cuốn sách từ bìa, đến *Lời nói đầu*, sau đó, lướt nhanh các bài học bên trong và xem phần cuối sách, nhất là *Mục lục*. Ví dụ, GV có thể cho HS tìm hiểu ý nghĩa của tranh vẽ trên bìa. Bìa sách *Ngữ văn 7*, tập một vẽ minh hoạ hình ảnh rừng U Minh với hai nhân vật (ông Hai bán rần và cậu bé An) trong tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi. Bìa tập hai minh hoạ hình ảnh mẹ và con trong bài thơ *Mây và sóng* nổi tiếng của Ta-go. Như thế, bìa sách *Ngữ văn 7* vừa có minh hoạ cho tác phẩm văn xuôi, vừa có minh hoạ cho tác phẩm thơ; vừa có văn học Việt Nam, vừa có văn học nước ngoài; tập một tập trung vào nhân vật nam, tập hai tập trung vào nhân vật nữ (để bảo đảm tính bình đẳng giới ngay cả trong minh hoạ).

Nội dung 2: Yêu cầu HS quan sát nhanh *Bài Mở đầu* và xác định bài học có những đề mục lớn, nhỏ nào. Từ bố cục ấy, yêu cầu HS nhận xét bài học này sẽ cung cấp cho người học những nội dung lớn nào. HS có thể trả lời đầy đủ hoặc không, nhưng sau tiết này, cần nhận biết được bài học có một số nội dung lớn sau:

I. Nội dung sách *Ngữ văn 7*

1. Học đọc

1.1. Đọc hiểu văn bản văn học

- Đọc hiểu văn bản truyện
- Đọc hiểu văn bản thơ
- Đọc hiểu văn bản kí

1.2. Đọc hiểu văn bản nghị luận

1.3. Đọc hiểu văn bản thông tin

1.4. Thực hành tiếng Việt

2. Học viết

3. Học nói và nghe

II. Cấu trúc của sách *Ngữ văn 7*

Giới thiệu cấu trúc mỗi bài học trong sách *Ngữ văn 7*

Như thế, công việc của GV là cần hình dung và chia nội dung các tiết cho phù hợp. Xem xét, nghiên cứu kĩ các bài tập nêu trong *Bài Mở đầu*, sau đó, phân bổ nội dung cho 4 tiết học. Định hướng chung cho bài học này là giúp HS làm quen với sách *Ngữ văn 7*, chưa cần đi sâu và tìm hiểu kĩ về nội dung các bài học.

Tiết 2: Đọc hiểu văn bản văn học

a) Lưu ý chung: GV có thể tổ chức tiết học theo hướng sau:

- Bước 1: cho HS đọc, tìm hiểu từng phần và dừng lại trước mục bài tập.

– Bước 2: tổ chức cho HS làm bài tập theo hướng: nếu mục nào bài tập nêu nhiều câu, nhiều yêu cầu thì chia nhóm để có nhiều thời gian, nhằm giải quyết hết các câu hỏi trong bài tập ấy.

– Bước 3: cho HS trao đổi và chốt lại các nội dung thông tin trong phần, mục ấy.

Các tiết tiếp theo làm tương tự cách làm ở tiết này. Tuy nhiên, GV cần lưu ý HS đọc *Bài Mở đầu* và làm bài tập trước ở nhà để trên lớp có nhiều thời gian trao đổi hơn.

b) Với tiết hướng dẫn đọc hiểu văn bản văn học: GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu từ phần *Học đọc*, bắt đầu từ *Đọc hiểu văn bản truyện* đến hết *Đọc hiểu văn bản kí*. Cả ba thể loại đều đã học ở lớp 6, vì thế các khái niệm về truyện, thơ, kí, sách không cung cấp lại mà chỉ tập trung vào nội dung chính của các văn bản được học trong sách *Ngữ văn 7*.

Nội dung chính của phần này tập trung vào bài tập nêu ở cuối mục 3. *Đọc hiểu văn bản kí: Sách “Ngữ văn 7” hướng dẫn em đọc hiểu văn bản văn học thuộc những thể loại nào chưa được học ở lớp 6? Với nội dung chính của mỗi văn bản đã nêu trong các mục đọc hiểu truyện, thơ và kí, em thấy văn bản nào hấp dẫn với mình? Vì sao?*

Như thế, ở câu hỏi này có hai nội dung lớn cần làm rõ: i) Lớp 7 học văn bản văn học thuộc những thể loại nào và thể loại nào mới so với lớp 6?; ii) Từ nội dung chính của các văn bản nêu trong mỗi thể loại, xác định văn bản em thấy hấp dẫn nhất và giải thích lí do.

Để làm rõ nội dung thứ nhất (i), GV có thể nêu vấn đề các thể loại lớn *truyện, thơ, kí* đều đã học ở lớp 6, nhưng lên lớp 7, các tiểu loại trong những thể loại lớn ấy là khác biệt. GV yêu cầu HS liên hệ với các thể loại này đã học ở lớp 6 để nhận biết sự khác biệt của các thể loại nhỏ trong mỗi thể loại lớn được học ở hai lớp khác nhau. Cụ thể, có thể nêu lên bảng so sánh sau:

<i>Ngữ văn 6</i>	<i>Ngữ văn 7</i>
<i>Truyện:</i> – Truyện thuyết và cổ tích – Truyện đồng thoại – Truyện ngắn	<i>Truyện:</i> – Tiểu thuyết và truyện ngắn – Truyện khoa học viễn tưởng – Truyện ngụ ngôn
<i>Thơ:</i> – Thơ lục bát – Thơ có yếu tố tự sự, miêu tả	<i>Thơ:</i> – Thơ bốn chữ, năm chữ – Thơ (tự do)

Kí: – Hồi kí – Du kí	Kí: – Tùy bút – Tản văn
-----------------------------------	--------------------------------------

GV có thể cho HS điền các văn bản – tác phẩm cụ thể của mỗi thể loại nhỏ đã học ở lớp 6 vào bảng. Ví dụ: Truyện đồng thoại có *Đế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài); Thơ lục bát có *Về thăm mẹ* (Đinh Nam Khương); Hồi kí có *Trong lòng mẹ* (Nguyễn Hồng);...

Nội dung thứ hai là: “Với nội dung chính của mỗi văn bản đã nêu trong các mục đọc hiểu truyện, thơ và kí, em thấy văn bản nào hấp dẫn với mình? Vì sao?”. Cần hiểu các nội dung chính ở đây chỉ là thông tin tóm tắt về các văn bản mà sách đã nêu lên. Ví dụ, nội dung chính của văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* (trích tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam*) của nhà văn Đoàn Giỏi là kể về một nhân vật đặc sắc – Võ Tòng. Hoặc nội dung chính của truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* là kể về một con ếch đã kém hiểu biết lại tự kiêu, tự phụ. Nội dung chính trong bài thơ *Mẹ* của Đỗ Trung Lai là thể hiện những xúc động, băng khuâng khi tác giả nghĩ về người mẹ,... Nghĩa là các nội dung chính của mỗi văn bản trong mỗi thể loại đã được nêu lên trong SGK. HS chỉ cần tìm hiểu các nội dung ấy. Từ đó, HS nêu ra văn bản mà mình cảm thấy hấp dẫn nhất và giải thích vì sao lại thích văn bản đó.

Về cách tổ chức tiết học này, nếu HS chưa làm ở nhà, GV có thể chia thành ba nhóm. Mỗi nhóm tìm hiểu một thể loại mà câu hỏi đã nêu:

– Nhóm 1: Sách *Ngữ văn 7* hướng dẫn em đọc hiểu những thể loại truyện nào chưa học ở lớp 6? Em thấy văn bản truyện nào hấp dẫn nhất với mình? Vì sao? Nhận xét khái quát chung về đề tài, chủ đề của cả nhóm bài thể loại truyện.

– Nhóm 2: Sách *Ngữ văn 7* hướng dẫn em đọc hiểu những thể loại thơ nào chưa học ở lớp 6? Em thấy văn bản thơ nào hấp dẫn nhất với mình? Vì sao? Nhận xét khái quát chung về đề tài, chủ đề của cả nhóm bài thể loại thơ.

– Nhóm 3: Sách *Ngữ văn 7* hướng dẫn em đọc hiểu những thể loại kí nào chưa học ở lớp 6? Em thấy văn bản kí nào hấp dẫn nhất với mình? Vì sao? Nhận xét khái quát chung về đề tài, chủ đề của cả nhóm bài thể loại kí.

Nhiệm vụ của mỗi nhóm: chỉ ra các thể loại được học trong sách *Ngữ văn 7* không khó; nhưng các em cần dựa vào nội dung chính của mỗi văn bản trong mỗi thể loại, nêu lên quan điểm cá nhân của mình và nhất là nêu nhận xét về đề tài, chủ đề chung cho cả cụm bài theo thể loại. GV cần cho HS tìm hiểu thật kĩ phần nội dung trong mỗi thể loại mới rút ra được câu trả lời.

Ví dụ, nội dung đọc thơ trong sách *Ngữ văn 7*, GV hướng dẫn để HS tìm và rút ra được chủ đề chính của các bài thơ là:

– Tình cảm gia đình sâu nặng giữa cha mẹ và con cái, tình bà cháu,... là thiêng liêng, quý giá nhất, không có gì đánh đổi được (qua các bài thơ *Mẹ*, *Tiếng gà trưa*, *Mây và sóng*, *Những cánh bướm*, *Mẹ và quả*, *Một mình trong mưa*, *Rồi ngày mai con đi*).

– Ngoài nội dung đề tài, chủ đề chính nêu trên, còn có bài thơ viết về tâm trạng đầy buồn bã, xót xa, thảng thốt của cả một thế hệ nhà nho sắp bị quên lãng hồi đầu thế kỉ XX như bài *Ông đồ* của Vũ Đình Liên.

GV cần cho HS chỉ ra mỗi chủ đề được thể hiện qua các văn bản nào trong SGK. Tương tự như thế, yêu cầu HS tìm hiểu mục đọc truyện và đọc kí.

Tùy vào thời gian, GV có thể yêu cầu HS liên hệ với một tác phẩm đã học hoặc đã đọc ở các lớp dưới để chỉ ra một số nội dung đề tài, chủ đề giống nhau, như tình mẫu tử sâu nặng là một chủ đề đã học rất đậm nét ở *Ngữ văn 6* với các văn bản như: *Về thăm mẹ* (Đinh Nam Khương), *Ái ơi tay mẹ* (Bình Nguyên), *Ca dao về tình cảm gia đình*, *Trong lòng mẹ* (Nguyễn Hồng),...

Tiết 3: Đọc hiểu văn bản nghị luận, văn bản thông tin và thực hành tiếng Việt

Các bước tổ chức tiết học, thực hiện như đã nêu ở trên. GV cho HS đọc và tìm hiểu các câu hỏi. Khi đọc, lưu ý HS văn bản nghị luận và văn bản thông tin đã được học ở lớp 6, vì thế, ở đây chỉ tập trung tìm hiểu nội dung chính của các văn bản nghị luận và văn bản thông tin trong *Ngữ văn 7* là những gì.

Phân câu hỏi chung của hai mục này có các yêu cầu: Nêu đặc điểm nổi bật của các văn bản nghị luận và văn bản thông tin trong sách *Ngữ văn 7*. Điểm giống nhau của các văn bản nghị luận và điểm khác biệt giữa các văn bản thông tin trong SGK *Ngữ văn 7* và *Ngữ văn 6* là gì?

Cách tiến hành tổ chức cho HS thực hiện bài tập này cũng giống như ở tiết dạy đọc hiểu văn bản văn học (truyện, thơ, kí). GV có thể yêu cầu HS tóm tắt các mục trong mỗi loại văn bản bằng một sơ đồ. Nội dung, chủ đề chính của mỗi loại văn bản cũng đã nêu rõ trong bài học. Cũng có thể lập bảng so sánh nội dung và kiểu văn bản của hai loại này như tiết dạy đọc hiểu văn bản văn học.

Kiểu văn bản	<i>Ngữ văn 6</i>	<i>Ngữ văn 7</i>
Văn bản nghị luận	– Nghị luận văn học: vẻ đẹp của tác phẩm văn học. – Nghị luận xã hội: đề tài cây xanh, nước sạch, vật nuôi,...	– Nghị luận văn học: vẻ đẹp của tác phẩm văn học – Nghị luận xã hội: đề tài lòng yêu nước và đức tính giản dị.

Văn bản thông tin	– Văn bản thuật lại một sự kiện theo trật tự thời gian. – Văn bản thuật lại một sự kiện theo quan hệ nguyên nhân – kết quả.	– Văn bản giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi. – Văn bản triển khai ý tưởng và thông tin; có tài liệu tham khảo,...
-------------------	--	---

*** Hướng dẫn dạy phần Thực hành tiếng Việt**

Phần Thực hành tiếng Việt cần làm rõ hai câu hỏi:

a) Bốn nội dung lớn về tiếng Việt trong sách “Ngữ văn 7” là gì? Mỗi nội dung lớn có các nội dung cụ thể nào?

b) Hệ thống bài tập tiếng Việt trong sách “Ngữ văn 7” có những loại cơ bản nào?

GV cho HS đọc và tìm hiểu từng câu hỏi. Trong mỗi nội dung, GV có thể chọn một vài hiện tượng và đơn vị tiếng Việt, yêu cầu HS liên hệ với những gì đã học ở *Ngữ văn 6* để minh họa và nêu lên những gì HS đã biết về hiện tượng và đơn vị ấy.

Hai câu hỏi của phần này không khó, GV hướng dẫn để HS biết tìm thông tin trong bài học và trả lời:

Nội dung câu hỏi a) đã được nêu rõ trong bảng bốn nội dung lớn học về tiếng Việt. Nội dung câu hỏi b) đã nêu rõ ở phần các loại bài tập tiếng Việt:

- Bài tập nhận biết các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.
- Bài tập phân tích tác dụng của các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.
- Bài tập tạo lập đơn vị tiếng Việt.

GV nhắc nhở HS:

– Khi làm bài tập trong phần *Thực hành tiếng Việt* ở các bài học lớn, cần dựa vào những lưu ý về đơn vị kiến thức tiếng Việt được nêu trong phần *Kiến thức ngữ văn* ở đầu mỗi bài học để có hướng làm bài và hệ thống lại những hiểu biết của mình sau khi làm bài tập.

– Thực hành vận dụng kiến thức tiếng Việt trong các tiết đọc hiểu, viết, nói và nghe cũng như trong tiết học các môn học khác, trong sinh hoạt và giao tiếp với nhiều hình thức khác nhau.

Tiết 4: Dạy viết, nói – nghe và tìm hiểu cấu trúc sách

(1) Hướng dẫn dạy phần Học viết

Cách dạy phần này cũng giống như các phần trên. GV cho HS đọc, tìm hiểu nội dung từng mục, sau đó trả lời câu hỏi nêu cuối phần II. *Học viết:*

a) Sách “Ngữ văn 7” rèn luyện cho các em viết những kiểu văn bản nào? Nội dung cụ thể của mỗi kiểu văn bản là gì?

b) Những yêu cầu về quy trình và kiểu văn bản nào tiếp tục được rèn luyện ở lớp 7?

Hai câu hỏi đều không khó, chỉ cần HS tìm, quan sát trong mỗi mục là có thể trả lời được. Ví dụ với câu hỏi:

a) Sách “Ngữ văn 7” rèn luyện cho các em viết những kiểu văn bản nào? Nội dung cụ thể của mỗi kiểu văn bản là gì?

Nội dung này đã được bài học nêu lên rất rõ trong bảng hai cột (SGK Ngữ văn 7, tập một, trang 10); các kiểu văn bản nêu ở cột bên trái. Nội dung cụ thể của mỗi kiểu văn bản đã nêu ở cột bên phải của bảng. GV lưu ý HS đọc mục nội dung cụ thể (ở cột bên phải) gắn với mỗi kiểu văn bản tương ứng (ở cột bên trái).

Tuy SGK Ngữ văn 7 không nêu lên mối quan hệ giữa các kiểu văn bản luyện viết và các loại văn bản trong đọc hiểu, nhưng GV cần cho HS tìm hiểu về mối quan hệ giữa hai kiểu văn bản (tự sự, biểu cảm) tương ứng với loại văn bản văn học (truyện, thơ, kí,...); nghĩa là văn bản văn học thường vận dụng các phương thức tự sự, miêu tả và biểu cảm. HS cần vận dụng những hiểu biết này vào đọc hiểu cũng như khi viết bài.

b) Những yêu cầu về quy trình và kiểu văn bản nào tiếp tục được rèn luyện ở lớp 7?

GV yêu cầu HS đọc kĩ lại phần *Học viết*, từ đó, liên hệ với những gì mình đã học ở lớp 6 để xác định quy trình và kiểu văn bản nào tiếp tục được rèn luyện ở sách Ngữ văn 7.

(2) Hướng dẫn dạy phần Học nói và nghe

Cách dạy tiến hành giống như dạy phần kĩ năng viết đã trình bày ở trên. GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu để nắm được các nội dung chính của mỗi mục. Sau đó làm bài tập bằng cách trả lời các câu hỏi ở cuối phần *III. Học nói và nghe*:

a) Các nội dung rèn luyện kĩ năng nói và nghe là gì?

b) So với các yêu cầu cụ thể về kĩ năng nói và nghe, em còn những hạn chế nào?

Cả hai câu hỏi này đều không khó, đều đã nêu rõ ở bài học. Tuy nhiên, câu a), GV cần giải thích cho HS *nói nghe tương tác* là thế nào; làm rõ các hành động nói và nghe có thể độc lập (một mình nói và một mình nghe); còn *nói nghe tương tác* là giao tiếp có đi có lại, trao đổi bằng các lượt lời như thảo luận, tranh luận, trao đổi ý kiến,...; câu b) yêu cầu liên hệ với bản thân để chỉ ra các yêu cầu đã học và rút kinh nghiệm về các yêu cầu em còn hạn chế.

(3) Hướng dẫn dạy phần Cấu trúc của sách “Ngữ văn 7”

Phần này đã được trình bày bằng bảng trong bài học, nêu rõ các phần lớn của mỗi bài học trong sách Ngữ văn 7. Vì thế, GV chỉ cần cho HS quan sát và trả lời câu hỏi đã nêu trong bài tập:

a) Mỗi bài học trong sách “Ngữ văn 7” có những phần chính nào? Nhiệm vụ mà các em cần làm ở lớp và ở nhà là gì?

b) Theo em, tại sao cần biết cấu trúc sách trước khi học?

GV cần để HS trao đổi và phát biểu theo nhận thức của mỗi HS; thực chất là phân tích tác dụng của việc nắm vững cấu trúc bài học.

Với các HS khá, giỏi, GV có thể nêu thêm yêu cầu: Đọc toàn bộ *Bài Mở đầu* để nắm được các nội dung lớn của bài học; sau đó, trình bày các nội dung ấy bằng một biểu đồ hoặc sơ đồ tư duy. Bài tập này có thể giao cho HS làm ở nhà.

Bài 1

TIỂU THUYẾT VÀ TRUYỆN NGẮN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– Yêu cầu cần đạt chính là mục tiêu bài học. Nội dung này HS đọc ở nhà. Tuy nhiên, đây là đích cần đạt của bài học nên GV cần hiểu rõ để hiện thực hoá các nội dung của mục tiêu vào các hoạt động dạy học; đồng thời, nhắc nhở HS chú ý trong và sau khi học xong cả bài học lớn. Yêu cầu cần đạt thường hướng tới mục tiêu chung của cả môn học là phát triển năng lực đặc thù của môn Ngữ văn và góp phần phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung.

– Tuy phần *Yêu cầu cần đạt* trong mỗi bài học của SGK không nói rõ từng năng lực và phẩm chất nhưng các nội dung đều hướng tới năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học (đọc, viết, nói và nghe; trong trường hợp nội dung viết và nghe – nói giống nhau thì chỉ nêu thành một yêu cầu). Yêu cầu nêu cuối phần này ở mỗi bài học thường hướng tới phẩm chất và năng lực chung. Dưới đây là sự cụ thể hoá, diễn giải để hiểu rõ hơn về các yêu cầu cần đạt.

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

– Nêu được ấn tượng chung về các văn bản đọc hiểu; nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền,...) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của văn bản.

– Nhận biết được từ ngữ địa phương và những nét đặc sắc của ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản đã học.

- Viết được bài văn kể về sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

2. Góp phần phát triển phẩm chất và năng lực chung

Có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức về trách nhiệm công dân đối với đất nước; có tình yêu thương con người, biết chia sẻ, cảm thông với người khác và những cảnh ngộ éo le trong cuộc sống.

II. KIẾN THỨC NGỮ VĂN

Bài học cung cấp cho HS bốn kiến thức ngữ văn chính về *tiểu thuyết và truyện ngắn; tính cách nhân vật, bối cảnh; tác dụng của việc thay đổi ngôi kể; ngôn ngữ các vùng miền*.

– Với *tiểu thuyết và truyện ngắn*, HS cần nắm được:

+ *Tiểu thuyết* là tác phẩm văn xuôi cỡ lớn, có nội dung phong phú, cốt truyện phức tạp; phản ánh nhiều sự kiện, cảnh ngộ; thường miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chông chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng. Trong nhà trường phổ thông, HS chỉ đọc hiểu các đoạn trích từ tiểu thuyết.

+ *Truyện ngắn* là khái niệm các em đã được học ở SGK *Ngữ văn 6*, tập hai.

– Với *tính cách nhân vật, bối cảnh*, HS cần nắm được:

+ *Tính cách nhân vật* trong truyện (*tiểu thuyết và truyện ngắn*) thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của chính nhân vật; qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác;... Ví dụ: Nhân vật Võ Tòng trong văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* (trích *tiểu thuyết Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi) không chỉ được mô tả, thể hiện qua ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ của nhân vật này mà còn được hiện lên qua lời của người kể chuyện xưng “tôi” và lời của các nhân vật khác trong truyện.

+ *Bối cảnh* trong truyện thường chỉ hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung (bối cảnh lịch sử); thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện (bối cảnh riêng);... Ví dụ: Bối cảnh lịch sử của câu chuyện *Buổi học cuối cùng* (Đô-đê) là thời kì sau chiến tranh Pháp – Phổ (1870 – 1871), hai vùng An-dát và Lo-ren của Pháp bị nhập vào nước Phổ. Các trường học thuộc hai vùng này phải bỏ tiếng Pháp, chuyển sang học tiếng Đức. Bối cảnh riêng của câu chuyện là quang cảnh và diễn biến của buổi học tiếng Pháp cuối cùng.

– Với *tác dụng của việc thay đổi ngôi kể*, HS cần nắm được:

Trong truyện, ngôi kể có thể thay đổi để nội dung phong phú hơn và cách kể linh hoạt hơn. Ví dụ: Phần mở đầu đoạn trích *Người đàn ông cô độc giữa rừng* được kể theo lời cậu bé An (ngôi thứ nhất, xưng “tôi”), kể về những gì cậu bé đã

chúng kiến khi gặp chú Võ Tòng ở căn lều giữa rừng U Minh. Nhưng khi muốn nói về cuộc đời trước đây của Võ Tòng thì tác giả không thể kể theo lời cậu bé An được nữa mà phải chuyển sang kể theo ngôi thứ ba, bắt đầu bằng câu: “Không ai biết tên thật của gã là gì.”. Đến phần cuối đoạn trích, tác giả lại chuyển về kể theo ngôi thứ nhất: “Chú Võ Tòng vẫn ngồi đó, đối diện với tia nuôi tôi, bên bếp lửa.”.

– Với ngôn ngữ các vùng miền, HS cần nắm được:

Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam, vừa có tính thống nhất cao, vừa có tính đa dạng. Tính đa dạng của tiếng Việt thể hiện chủ yếu ở các mặt ngữ âm và từ vựng:

+ Về mặt ngữ âm: Một từ ngữ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau. Ví dụ, mặc dù cùng viết là *ra* nhưng người ở phần lớn các tỉnh miền Bắc phát âm giống như *da*, còn người miền Trung và miền Nam phát âm là *ra*; cùng viết là *vui* nhưng người miền Nam phát âm giống như *dui*, còn người miền Bắc và miền Trung phát âm là *vui*;...

+ Về mặt từ vựng: Các vùng miền khác nhau đều có những từ ngữ mang tính địa phương (từ ngữ địa phương). Ví dụ: *thầy*, *u* (từ dùng ở một số tỉnh miền Bắc); *bọ*, *mạ* (từ dùng ở một số tỉnh miền Trung, tiêu biểu là Quảng Bình); *tía*, *mả* (từ dùng ở nhiều tỉnh miền Nam) được dùng để gọi *cha*, *mẹ*. Trong tác phẩm văn học, việc sử dụng một số từ ngữ địa phương phản ánh cách nói của nhân vật ở một địa phương nhất định; đồng thời, tạo sắc thái thân mật, gần gũi, phù hợp với bối cảnh mà tác phẩm miêu tả. Tuy nhiên, việc sử dụng từ ngữ địa phương cũng cần có chừng mực; nếu không, sẽ gây khó khăn cho người đọc và hạn chế sự phổ biến của tác phẩm.

GV không dạy các kiến thức ngữ văn này như một nội dung độc lập mà yêu cầu HS tự đọc và nhận diện chúng trong quá trình đọc văn bản. Khi cần vận dụng trực tiếp một kiến thức nào đó, GV sẽ gọi cho HS trở lại với nội dung kiến thức ấy và vận dụng nó vào việc đọc, viết hoặc nói, nghe.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (trọng tâm)

Văn bản 1

Người đàn ông cô độc giữa rừng

(Trích tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam*)

(ĐOÀN GIỚI)

1. Lưu ý

GV vận dụng phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản truyện ở lớp 6 để dạy các văn bản truyện trong CT và SGK *Ngữ văn 7*. Ngoài ra, cần bám sát vào đặc trưng

của các thể loại truyện được dạy ở lớp 7 và yêu cầu cần đạt của CT để hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản.

Văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* trích từ chương X, tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam*. Đây là tác phẩm rất nổi tiếng của nhà văn Đoàn Giỏi. Trong CT và SGK 2006 cũng có học tác phẩm này với đoạn trích *Sông nước Cà Mau* (Ngữ văn 6, tập hai). Tuy nhiên, trích dẫn đoạn văn nói về sự hùng vĩ của sông Năm Căn đoạn đổ ra biển là nhằm mục đích tích hợp với yêu cầu viết văn miêu tả ở đầu tập hai, lớp 6 theo CT 2006. Với CT 2018, *Đất rừng phương Nam* được học lại nhưng với yêu cầu đọc hiểu tác phẩm truyện. Cho nên, phải tập trung vào đoạn trích thể hiện rõ đặc điểm của truyện: nhân vật, sự kiện tiêu biểu để làm rõ tính cách nhân vật, bối cảnh, ngôi kể và sự chuyển đổi ngôi kể trong tác phẩm. Vì thế, chúng tôi đã chọn trích chương nói về nhân vật Võ Tòng – một nhân vật không thể không nhớ tới khi đọc tác phẩm này. Cũng qua nhân vật này để giáo dục lòng yêu nước, giúp HS hiểu đặc điểm tính cách con người Nam Bộ; để thấy đất rừng phương Nam đã sinh ra những con người như thế;...

Tên văn bản vốn nguyên là: *Trong lều người đàn ông cô độc giữa rừng*, nhưng khi đưa vào sách, chúng tôi chỉ lấy phần sau cho gọn hơn (*Người đàn ông cô độc giữa rừng*), tập trung vào nhân vật hơn, gây tò mò, hứng thú cho người đọc: Người đàn ông ấy là ai? Tại sao lại “cô độc giữa rừng”?... Một số chi tiết như: tương truyền Võ Tòng đã giết 20 con hổ và các chi tiết đặc tả căn lều chuyên treo các sản phẩm săn được của Võ Tòng cũng phải cắt bớt theo góp ý của Hội đồng quốc gia thẩm định vì tránh nói nhiều về bạo lực và để giáo dục ý thức bảo vệ động vật hoang dã.

Dạy bài này chủ yếu tập trung vào nhân vật Võ Tòng: đặc điểm, tính cách nhân vật tiêu biểu cho con người Nam Bộ; tức là chú ý vào phương diện con người Nam Bộ; cũng là để dạy cách viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật theo hướng tích hợp giữa đọc hiểu và viết.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

Hoạt động 1. Khởi động

GV có thể tổ chức khởi động bài học bằng việc yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm về một trong số các vấn đề sau:

a) Nhân vật trong tác phẩm văn học nào khiến em yêu thích nhất? Nhân vật đó có tính cách như thế nào? Tính cách đó được thể hiện ở những khía cạnh nào?

b) Trong số những tác phẩm văn học mà em đã đọc, tác phẩm nào viết về một vùng đất xa lạ khiến em thích thú? Nêu tên tác phẩm và tác giả của tác phẩm đó. Trong tác phẩm, vùng đất được nói đến là vùng nào? Cảnh trí và con người ở đó có đặc điểm gì? Ngôn ngữ của tác phẩm có gì đặc sắc?

c) Em biết gì về vùng đất phương Nam của nước ta? Hãy giới thiệu ngắn gọn cho các bạn trong lớp cùng nghe.

Sau đó, GV có thể chiếu một video clip về vùng sông nước Cà Mau, rừng U Minh (lấy từ phim *Đất phương Nam*) để tạo không khí cho bài học.

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

– HS tìm hiểu và chia sẻ một số thông tin về nhà văn Đoàn Giỏi (tên khai sinh, bút danh, quê quán, năm sinh, các tác phẩm chính,...) và tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam* (thời điểm sáng tác, cốt truyện, nhân vật chính, giá trị của tác phẩm,...).

– GV hướng dẫn HS đọc văn bản, chia sẻ ấn tượng ban đầu về văn bản, xác định những từ ngữ mới hoặc từ ngữ mang màu sắc địa phương, các hình ảnh chưa hiểu hoặc các câu hỏi trong khi đọc chưa thực hiện được.

– GV cho HS xem lại những điểm cần chú ý khi đọc truyện để vận dụng vào đọc văn bản.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Sau khi HS đã đọc văn bản, GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi / thực hiện các nhiệm vụ trong SGK để tìm hiểu văn bản cả về nội dung và hình thức theo đặc trưng của văn bản. Dưới đây là hệ thống câu hỏi trong SGK và các nội dung cần lưu ý. GV lựa chọn, kết hợp bổ sung các câu hỏi khác nếu thấy cần thiết và phù hợp với đối tượng HS.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Văn bản <i>Người đàn ông cô độc giữa rừng</i> kể về việc gì? Đoạn trích có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính? Nhan đề văn bản gợi cho em những suy nghĩ gì?	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp để trả lời. – Gợi ý: + Văn bản kể về cuộc gặp gỡ giữa An và tía nuôi với chủ Võ Tòng ở căn lều của chủ giữa rừng U Minh. + Đoạn trích có các nhân vật: An, tía nuôi của An, chủ Võ Tòng. Trong đó, chủ Võ Tòng là nhân vật chính. + HS nêu suy nghĩ gợi ra từ nhan đề của văn bản. Gợi ý: Nhan đề văn bản gợi lên hình ảnh chủ Võ Tòng – người đàn ông sống một mình bơ vơ giữa rừng.

Câu 2. Đặc điểm tính cách nhân vật Võ Tòng được nhà văn thể hiện trên những phương diện nào? Hãy vẽ hoặc miêu tả bằng lời về nhân vật Võ Tòng theo hình dung của em.	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để trả lời. – Gợi ý: Nhân vật Võ Tòng hiện lên qua lời kể của nhân vật chú bé An, qua lời nhận xét của má nuôi An và qua các lời nói, hành động, cử chỉ của chính mình. Đặc điểm tính cách của nhân vật được thể hiện trực tiếp qua các phương diện sau: + Ngoại hình (ở đoạn “Chú cời trần ... nữa chứ!” và hàng sẹo chạy từ thái dương xuống cổ): thể hiện sự phong trần, “kì hình dị tướng”. + Lời nói: với An – thể hiện sự thân mật, suồng sã; với tía nuôi của An – thể hiện sự thân tình nhưng vẫn giữ được sự lễ độ. + Hành động: trước khi đi tù (hiền lành, yêu thương vợ, cương trực, khẳng khái), sau khi đi tù về và ở trong rừng (giỏi võ, mạnh mẽ, dũng cảm, chắt phác, thật thà, tốt bụng, căm thù giặc Pháp và lũ hèn nhát, đồn mat). + Ngoài ra, tính cách nhân vật còn được thể hiện gián tiếp qua các phương diện: nơi ở và cách bài trí trong ngôi nhà, thói quen trong sinh hoạt, ... Nhìn chung, Võ Tòng là người cương trực, dũng cảm, hào hiệp.
Câu 3. Nêu tác dụng của việc kết hợp giữa lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) với lời kể theo ngôi thứ ba trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng.	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để trả lời. – Gợi ý: Xem lại mục 3. <i>Tác dụng của việc thay đổi ngôi kể ở phần Kiến thức ngữ văn</i>. Việc kết hợp giữa lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) với lời kể theo ngôi thứ ba không chỉ làm cho việc kể chuyện được linh hoạt hơn mà còn giúp cho việc khắc họa chân dung, tính cách nhân vật Võ Tòng được khách quan, chân thực hơn ở nhiều góc nhìn khác nhau (cả trực tiếp và gián tiếp).
Câu 4. Hãy nêu một số yếu tố (ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sinh hoạt, ...) trong văn bản để thấy tiểu thuyết của Đoàn Giỏi mang đậm màu sắc Nam Bộ.	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để trả lời. – Gợi ý: Một số yếu tố mang đậm màu sắc Nam Bộ trong văn bản:

	+ Ngôn ngữ: dùng các đại từ xưng hô như <i>tía, má, anh Hai, chị Hai, bà</i>; cách nói khiêm tốn, thân mật của người Nam Bộ: <i>nhai bậy</i>; các từ ngữ chỉ vật: <i>heo, bếp cà ràng, xuống, mứt măng, khám, giấm, ...</i> + Phong cảnh: cây tràm, rừng nhiều hổ. + Tính cách con người: <i>chất phác, thật thà, can trường, gan dạ</i>. + Nếp sinh hoạt: xuống buộc lên một gốc cây tràm, nấu bằng bếp cà ràng, uống rượu với khô nướng, ...
Câu 5. Qua đoạn trích, em hiểu thêm được gì về con người của vùng đất phương Nam? Hãy nêu một chi tiết mà em thích nhất và lí giải vì sao.	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. – HS tự làm.
Câu 6. Viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) nêu lên những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản <i>Người đàn ông cô độc giữa rừng</i> .	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. – Gợi ý: + Đặc sắc về nội dung: khắc họa nhân vật Võ Tòng với tính cách cương trực, dũng cảm, hào hiệp. + Đặc sắc về nghệ thuật: phối hợp hai loại ngôi kể, sử dụng ngôn ngữ mang màu sắc Nam Bộ.

Hoạt động 4. Tổng kết

Sau khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi / thực hiện các nhiệm vụ ở *Hoạt động 3*, GV yêu cầu HS nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và hình thức theo nhận thức của HS bằng cách đặt câu hỏi hoặc nêu yêu cầu cho HS trả lời:

– Em hãy khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.

– Điều gì ở nhân vật chú Võ Tòng khiến em thích nhất? Vì sao? Trong đời sống, em có gặp người nào có nét tương đồng như vậy không? Hãy giới thiệu ngắn gọn về người đó.

Sau đó, GV nhắc lại những lưu ý về cách đọc văn bản mà HS cần chú ý (như đã nêu ở mục *Chuẩn bị*).

Cuối cùng, GV yêu cầu HS chuẩn bị bài tiếp theo: đọc trước ở nhà văn bản *Buổi học cuối cùng* (Đô-đê) và thực hiện các nhiệm vụ nêu ở mục *Chuẩn bị*, trong và sau khi đọc văn bản.

Buổi học cuối cùng

(Chuyện kể của một em bé người An-dát)

(AN-PHÔNG-XƠ ĐÔ-ĐÊ)

1. Lưu ý

Xem lại mục *Lưu ý* khi dạy đọc hiểu văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* (trích tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam* của nhà văn Đoàn Giỏi) ở trên và dựa vào đặc trưng của truyện để hướng dẫn HS đọc hiểu đoạn trích này.

Truyện *Buổi học cuối cùng* được nhà văn người Pháp An-phông-xơ Đô-đê viết từ thế kỉ XIX. Câu chuyện kể về buổi học bằng tiếng Pháp cuối cùng của một lớp học ở trường tiểu học trong một làng quê thuộc vùng An-dát, sau khi vùng này đã bị cắt về cho nước Phổ (vì Pháp thua trận trong cuộc chiến tranh Pháp – Phổ năm 1870 – 1871). Việc dạy và học bằng tiếng Pháp trong nhà trường các cấp ở nước Pháp vốn là việc hết sức bình thường, tự nhiên như việc dạy và học tiếng mẹ đẻ ở bất kì quốc gia nào. Nhưng điều không bình thường là: Đây là buổi học cuối cùng mà thầy, trò ở ngôi trường đó được dạy và học bằng tiếng Pháp – tiếng mẹ đẻ của họ. Sau buổi học đó, các trường học ở vùng này đều phải dạy bằng tiếng Đức – ngôn ngữ của kẻ chiếm đóng. Trong tình huống và thời điểm đặc biệt ấy, mỗi người có mặt trong lớp học, từ thầy giáo Ha-men đến các học trò khác và những người dân hay những cụ già đến dự buổi học này đều cảm thấy ý nghĩa đặc biệt của nó. Họ đều thấm thía điều hết sức quan trọng và thiêng liêng là phải biết yêu quý, trau dồi và gìn giữ tiếng Pháp – ngôn ngữ của dân tộc mình. Điều đó càng đặc biệt có ý nghĩa khi mà quê hương của họ đang bị kẻ khác chiếm đóng và có ý đồ “đồng hoá”, trước hết là đồng hoá bằng ngôn ngữ. Lòng yêu nước, tình cảm dân tộc ở đây đã được thể hiện cụ thể trong tình yêu và sự quý trọng tiếng nói của dân tộc mình.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

GV tổ chức các hoạt động tương tự như đọc hiểu văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* đã học.

Hoạt động 1. Khởi động

GV có thể tổ chức khởi động theo một số gợi ý dưới đây:

– Yêu cầu HS làm việc nhóm, trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của việc gìn giữ ngôn ngữ dân tộc hoặc giải thích vì sao phải quý trọng tiếng nói của dân tộc mình.

– Yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ sau: Đọc thông tin về bối cảnh của truyện đã nêu trong mục *Chuẩn bị* (SGK Ngữ văn 7, tập một, trang 21), sau đó, hãy đóng vai một học sinh người Pháp sống vào thời điểm đó, nêu cảm nghĩ của mình về việc phải “bỏ tiếng Pháp, chuyển sang học tiếng Đức”.

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Xem lại cách tổ chức hoạt động này đối với văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* và thực hiện tương tự.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Xem lại cách tổ chức hoạt động này đối với văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* và thực hiện tương tự.

Dưới đây là một số gợi ý về cách tổ chức cho HS trả lời câu hỏi / thực hiện nhiệm vụ.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Em hiểu thế nào về nhan đề <i>Buổi học cuối cùng</i> ? Người kể lại câu chuyện là ai? Chỉ ra tác dụng của ngôi kể này.	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. – Về nhan đề: HS dựa vào thông tin về bối cảnh của truyện đã nêu trong mục <i>Chuẩn bị</i> để trả lời câu hỏi này. – Người kể lại câu chuyện xưng “tôi”, đó là chú bé Phrăng – một học sinh trong lớp học của thầy Ha-men. Phrăng vừa là người kể chuyện, vừa là nhân vật tham gia vào câu chuyện. Tác dụng của ngôi kể: giúp cho Phrăng vừa kể vừa bộc lộ được những thái độ, suy nghĩ, cảm xúc của mình về quang cảnh ngoài đường, trong trường và những sự việc xảy ra trong lớp học, góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm. Tư tưởng ấy đã được thể hiện trực tiếp qua lời của thầy Ha-men, nhưng nó trở nên thâm thúy, gần gũi qua diễn biến nhận thức và tâm trạng của Phrăng.
Câu 2. Đặc điểm tính cách nhân vật thầy Ha-men được nhà văn khắc họa từ những phương diện nào? Hãy nêu một số biểu hiện cụ thể trong văn bản.	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp để trả lời. – Tính cách của thầy Ha-men được nhà văn khắc họa qua các phương diện: trang phục, thái độ đối với học sinh, điều tâm niệm mà thầy nói trong “buổi học cuối cùng” và hình ảnh thầy ở những giây phút cuối của buổi học. + Trang phục của thầy trong “buổi học cuối cùng”: chiếc mũ lụa đen thêu, áo rơ-đanh-gốt màu xanh lục, diềm lá sen gấp nếp mịn. Đó là những trang phục chỉ dùng vào những buổi lễ trang trọng. Qua cách ăn vận trang trọng như vậy, thầy Ha-men đã cho thấy ý nghĩa hệ trọng của “buổi học cuối cùng”.

	+ Thái độ của thầy đối với học sinh trong “buổi học cuối cùng”: thầy nói những lời dịu dàng, nhắc nhở nhưng không trách mắng học sinh đi muộn và không thuộc bài (Phrăng), nhiệt tình và kiên nhẫn giảng bài như muốn truyền hết mọi hiểu biết của mình cho học sinh. + Điều tâm niệm mà thầy muốn nói với học sinh và mọi người dân vùng An-dát (“thầy Ha-men nói với chúng tôi về tiếng Pháp, ... chôn lao tù”): hãy yêu quý, giữ gìn và trau dồi cho mình ngôn ngữ của dân tộc, vì ngôn ngữ không chỉ là tài sản quý báu của một dân tộc mà nó còn là “chìa khoá” để mở cửa ngục tù khi một dân tộc bị rơi vào vòng nô lệ. Đó cũng chính là một biểu hiện của tình yêu nước. + Hình ảnh thầy ở những giây phút cuối của buổi học (“Bỗng đồng hồ nhà thờ ... đi đi thôi!”): nỗi đau đớn, sự xúc động trong lòng thầy đã lên đến cực điểm và bộc lộ ra qua những cử chỉ, hành động khác thường: người tái nhợt, nghen ngào không nói được hết câu, dồn tất cả sức mạnh viết lên bảng câu “Nước Pháp muôn năm!”, ...
Câu 3. Phân tích một số chi tiết cụ thể (suy nghĩ, cách nhìn nhận về thầy Ha-men và thái độ đối với việc học tiếng Pháp) để làm rõ diễn biến tâm trạng của nhân vật “tôi” trong “buổi học cuối cùng”	– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để trả lời. – Diễn biến tâm trạng của nhân vật “tôi” (Phrăng) trong “buổi học cuối cùng” được thể hiện qua các giai đoạn: + Trước buổi học, định trốn học vì đã trễ giờ và sợ thầy hỏi bài khó mà chưa thuộc, nhưng cậu đã cưỡng lại được ý định ấy và vội vã chạy đến trường. + Những điều khác lạ trên đường đến trường và quang cảnh ở trường (rất yên tĩnh, trang nghiêm khác ngày thường) khiến cậu bé ngạc nhiên. Hơn nữa, mặc dù vào lớp muộn nhưng cậu không bị thầy giáo quở trách mà thầy chỉ nói nhẹ nhàng, thậm chí dịu dàng với cậu. Tất cả những điều đó như báo hiệu về một cái gì đó nghiêm trọng, khác thường của ngày hôm ấy và buổi học ấy. + Diễn biến của “buổi học cuối cùng” và hình ảnh thầy Ha-men đã tác động sâu sắc đến nhận thức, tình cảm của cậu. Khi được thầy Ha-men nói cho biết đây là buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp, Phrăng thấy choáng váng, sửng sốt và cậu đã hiểu ra nguyên nhân của mọi sự khác lạ trong buổi sáng hôm ấy ở lớp học, ở trụ sở xã và trên trang phục của thầy giáo. Cậu thấy nuối tiếc và ân hận về sự lười nhác học tập, ham chơi của mình lâu nay.

	Sự ân hận của cậu còn lớn hơn khi đến lượt mình đọc bài mà cậu không thuộc chút nào về quy tắc phân từ. Sự ân hận đã trở thành nỗi xấu hổ, tự giận mình. Chính tâm trạng ấy khiến cho cậu khi nghe thầy giáo giảng về ngữ pháp đã thấy thật rõ ràng, dễ hiểu. Ngoài ra, được chứng kiến những hình ảnh rất cảm động của các cụ già đến dự buổi học cuối cùng, nghe và hiểu được những lời nhắc nhở tha thiết nhất của thầy Ha-men và qua tất cả những gì đã diễn ra trong buổi học ấy, nhân thức và tâm trạng của Phrăng đã có những biến đổi sâu sắc. Cậu đã hiểu được ý nghĩa thiêng liêng của việc học tiếng Pháp và tha thiết muốn được trau dồi học tập, nhưng đã không còn cơ hội để tiếp tục học tiếng Pháp ở trường nữa.
Câu 4. Đọc phần (5) của văn bản <i>Buổi học cuối cùng</i>, liệt kê các chi tiết miêu tả thầy Ha-men (về hành động, ngôn ngữ, ngoại hình). Các chi tiết này đã giúp tác giả khắc họa được tâm trạng gì của thầy Ha-men?	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp để trả lời. – Trong phần (5), phần cuối của truyện, có nhiều chi tiết miêu tả đặc sắc: thầy Ha-men “người tái nhợt”, “nghe ngáo, không nói được hết câu”, “cầm một hòn phấn và dẫn mạnh hết sức, thầy cố viết thật to: NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM!” và “đầu dựa vào tường”, “chẳng nói”, chỉ “giơ tay ra hiệu”, ... Đây là những chi tiết rất cảm động về thầy Ha-men ở những giây phút cuối cùng của buổi học. Tiếng “đồng hồ nhà thờ điểm mười hai giờ” và “tiếng kèn của bốn lính Phổ đi tập về vang lên ngoài cửa sổ” như báo hiệu giờ phút kết thúc của buổi học, cũng là giờ phút chấm dứt việc dạy và học bằng tiếng Pháp ở cả vùng. Ở vào thời điểm ấy, nỗi đau đớn, sự xúc động trong lòng thầy Ha-men đã lên tới cực điểm và bộc lộ ra trong những cử chỉ, hành động khác thường. Nhưng chính vào giây phút ấy, cậu học trò Phrăng “chưa bao giờ cảm thấy thầy lớn lao đến thế”. Hành động ấy của thầy như muốn khẳng định nước Pháp không thể sụp đổ, tiếng Pháp không thể mất đi. Hành động ấy là sự thể hiện một cách sâu sắc nhất, thiêng liêng nhất tình yêu Tổ quốc thiết tha và sâu lắng của thầy Ha-men.
Câu 5. Câu chuyện đã gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào? Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong truyện?	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. HS có thể nêu quan điểm riêng nhưng cần hợp lý, có sức thuyết phục.

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7 **Cánh Diều**

1. Ngữ văn 7 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 7 (Tập một, Tập hai)
3. Giáo dục công dân 7
4. Lịch sử và Địa lí 7
5. Khoa học tự nhiên 7
6. Công nghệ 7
7. Tin học 7
8. Giáo dục thể chất 7
9. Âm nhạc 7
10. Mỹ thuật 7
11. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7
12. Tiếng Anh 7 Explore English

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 7 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ

Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web
để truy cập website bộ sách Cánh Diều:
www.hoc10.com

ISBN: 978-604-367-003-5

